

TRUNG TÂM UNESCO THÔNG TIN TƯ LIỆU LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

PHAN TRẦN CHỨC

NGUYỄN
TRẦN
PHƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Truyện ký

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HỌC

— 1945 —

*In theo bản in của nhà xuất bản Quốc văn.
Hà Nội năm 1945*

200.0000

NB 5277R

PHAN TRẦN CHÚC - LÊ QUẾ

Tuyển chọn truyện lịch sử

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

(Truyện ký)

THƯ VIỆN T. QUANG NGUYỄN
ĐIỂM CHỮ
016

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

THƯ VIỆN T. QUANG NGUYỄN
1.692
ĐIỂM CHỮ

1975

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM
1975

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

VỀ VIỆC TÁI BẢN MỘT SỐ TRUYỆN LỊCH SỬ CỦA PHAN TRẦN CHÚC

Phan Trần Chúc là người viết tiểu thuyết lịch sử có nhiều tác phẩm xuất bản trước cách mạng năm 1945, có cuốn được tái bản trong vùng tạm chiếm thời kháng chiến chống Pháp. Cùng với Đào Trinh Nhất, Nguyễn Triệu Luật..., Phan Trần Chúc được bạn đọc trước kia đánh giá tốt, tiểu thuyết lịch sử của ông được nhiều nhà xuất bản phát hành và được bạn đọc ưa chuộng tìm đọc, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu lịch sử, trở về với truyền thống dân tộc. Có những cuốn khi xuất bản được dư luận đánh giá cao, như : “Vua Hàm Nghi”, “Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức”, “Ba Đình truyện ký”...

Hiện nay nhu cầu sách lịch sử rất cao trong các tầng lớp nhân dân. Học sinh, sinh viên, cán bộ đều thích đọc sách sử. Nhu cầu về sách sử hiện nay khá lớn mà sách mới viết lại có ít. Vì vậy, việc tái bản một số sách có giá trị trước kia là cần thiết. Tất nhiên, do các sách đó được viết cách nay khá lâu nên có thể có một số sai sót nhất định về tư liệu và nhận định, đánh giá. Khi tái bản, cần có một số đính chính, sửa chữa cần thiết, các đính chính, sửa chữa này chúng tôi đưa xuống chú thích để bạn đọc nắm kiến thức lịch sử một cách đúng đắn và cập nhật hơn.

Phan Trần Chúc từng viết khá nhiều cuốn, nhưng chỉ chọn 8 cuốn tốt để tái bản, đó là các cuốn :

- 1. Vua Hàm Nghi.*
- 2. Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức.*
- 3. Ba Đình truyện ký.*
- 4. Trịnh Sâm và thời Lê mạt.*
- 5. Nguyễn Tri Phương.*
- 6. Vua Quang Trung.*
- 7. Bằng quận công Nguyễn Hữu Chỉnh.*
- 8. Cuộc đời chìm nổi và đau thương của vua Lê Chiêu Thống.*

Tin chắc rằng các cuốn được chọn tái bản sẽ có ích trong việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục lịch sử, giáo dục truyền thống yêu nước cho nhân dân, từ học sinh đến cán bộ các ngành.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI GIỚI THIỆU

Để chào mừng Lễ kỷ niệm 990 năm thành lập Thăng Long - Hà Nội, truyện ký *Nguyễn Tri Phương* của Phan Trần Chúc - Lê Quế được tái bản theo bản in lần đầu tiên (8-1945) tại Hà Nội của Nhà xuất bản *Quốc văn*.

Đúng như tên sách khẳng định, đây là một truyện ký ghi lại cuộc đời yêu nước chống xâm lược của Nguyễn Tri Phương (1800-1873), một danh tướng từng cầm quân giao tranh quyết liệt với quân Pháp từ mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng đến mặt trận Gia Định, và cuối cùng đã oanh liệt hy sinh trong cuộc chiến đấu bảo vệ thành Hà Nội (11-1873).

Bằng hành động yêu nước chống xâm lược quyết liệt của mình, Nguyễn Tri Phương không chỉ được nhân dân Việt Nam ngưỡng mộ tôn vinh, ngay những đối thủ của ông trên các chiến trường cũng ngổ lời cảm phục. Sau này, trong một số công trình nghiên cứu lịch sử cận đại Việt Nam của người nước ngoài ông cũng được đánh giá cao.

Tái bản *Nguyễn Tri Phương* (truyện ký), chúng tôi tôn trọng nguyên văn bản in cũ, chỉ đính chính một số lỗi chính tả, một số tên đất và tên người, một số chữ Pháp in sai và bổ sung một số chú thích cần thiết.

Hy vọng rằng khi tới tay bạn đọc, sách sẽ được nhiệt tình đón nhận.

Hà Nội, tháng 7-2000

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC TRUNG TÂM UNESCO
THÔNG TIN TƯ LIỆU LỊCH SỬ VÀ
VĂN HÓA VIỆT NAM

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Sang đầu thế kỷ XIX, cực diện Viễn Đông bỗng thay đổi hẳn.

Vì sau khi nhà thám hiểm Vasco de Gama đi vòng qua Hảo Vọng giác (Cap de Bonne Espérance)⁽¹⁾ sang xây dựng cái thế lực đầu tiên của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ dương thì các nước Âu châu khác cũng noi gương ấy mà mở rộng phạm vi sinh hoạt của họ sang Thái Bình dương.

Các giáo sĩ, các nhà hàng hải, sau rốt đến các đại biểu của các chính phủ Âu châu, lần lượt mang lá cờ của nước họ đến cắm trên những nước ở miền duyên hải hoặc những cù lao rải rác trong hai khu bể Ấn Độ và Thái Bình⁽²⁾.

Phi Luật Tân về Tây Ban Nha. Ấn Độ một phần về

(1) Mũi đất ở cực Nam châu Phi nằm trên con đường hàng hải từ Ấn Độ dương sang Đại Tây dương, được Vasco de Gama đi vòng qua năm 1497, mở ra con đường thông thương Âu - Á (B.T).

(2) Ấn Độ dương và Thái Bình dương (B.T).

Pháp; còn phần lớn với các xứ Malacca và Miến Điện về Anh, Goa, Macao về Bồ Đào Nha. Nhiều dân tộc Đông phương khác dần dần bị sa vào vòng thôn tính của người Âu. Xiêm bảo toàn được nền độc lập là nhờ ở sự cạnh tranh của hai đế quốc Pháp và Anh. Duy có dân tộc Nhật Bản, một dân tộc có sẵn tinh thần thượng võ và sớm hiểu cục diện thế giới, là đẩy được bọn xâm lược ra ngoài. Trái lại, Trung Quốc dưới tay lái vụng về của nhà Mãn Thanh, đã chịu bao sự uy hiếp của các nước thực dân ở Âu châu.

Việt Nam cũng cùng chung một số phận với Tàu, tuy nước nhà cũng có nhiều bậc thức giả như Nguyễn Tri Phương chẳng hạn đã bạo dạn dâng sớ lên các vua Thiệu Trị và Tự Đức xin cải cách và duy tân.

Song, vì đa số sĩ phu không có kiến thức nên những ý tưởng ấy không được thi hành.

Kết cục, Việt Nam cũng bị thôn tính như Ấn Độ và Phi Luật Tân, tuy đã bao người chịu hy sinh tính mệnh để bênh vực cho Tổ quốc.

Trong lớp những người đã chịu hy sinh ấy, Nguyễn Tri Phương có lẽ là bậc sĩ phu đáng để cho đời sau chú ý hơn cả. Vì đời ông đi liền với đoạn sử phấn đấu của nước Việt Nam, và mỗi hành vi của ông đều có mật thiết quan hệ đến sự thịnh suy của cả dân tộc.

Nguyễn Tri Phương hiệu là Đường Xuyên, sinh năm 1799, tại làng Đường Long (nay đổi là Chi Long), huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên.

Theo *Dại Nam nhất thống chí* thì ngay lúc còn ít tuổi, ông đã có chí lớn. Tri Phương không ưa cái học khoa cử mà ham đọc những sách *Luận ngữ*, *Tả truyện*, v.v.... để ứng dụng với đời.

Vào khoảng mấy năm đầu triều Minh Mệnh, nhân có chiếu của nhà vua kén những người có học thức bổ làm nha lại, bất đắc dĩ ông phải bước vào hoạn lộ với một chức nhỏ mọn ở huyện nha hạt ông.

Không được bao lâu, trong hạt xảy ra một vụ án rất bí mật. Huyện quan giao cho ông tra xét. Vì có tài mình mẫn nên Tri Phương đã khám phá ra được án ấy và thảo thành một tờ bảm rất khúc chiết và rõ ràng.

Bản án từ huyện đệ lên tỉnh, rồi lại từ tỉnh vào kinh. Tình cờ vua Minh Mệnh đọc đến bản ấy, nhận thấy tài lỗi lạc của tác giả, liền truyền chỉ cho quan địa

phương dẫn ông vào châu. Thế là từ một chức lại mục, Nguyễn Tri Phương nhảy lên chức Biên tu Nội các, tức là văn phòng của nhà vua.

Từ đây, chúng ta không phải lo cho con đường công danh của Nguyễn Tri Phương nữa. Vì đã được vua Minh Mệnh lưu ý đến rồi thì cố nhiên ông sẽ bay nhảy rất nhanh trên bậc thang sĩ hoạn.

Năm 1841, nhân việc biên phòng mỗi ngày một cấp bách, vua Minh Mệnh giao cho ông giữ chính quyền hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Nghĩa.

Vào đến Đà Nẵng, xem qua địa thế, Nguyễn Tri Phương lập tức dâng sớ về kinh:

"Đà Nẵng là một hải cảng có thể trở nên quan yếu. Phải đắp nhiều đồn lũy, phải đặt thêm nhiều pháo đài, nhiều súng ống để phòng bị nạn ngoại xâm".

Được vua chuẩn y, lập tức ông sửa sang thành lũy, đóng chiến thuyền, chỉnh đốn các cơ quan trị an trong tỉnh. Vua ban thưởng cho ông, triệu ông về kinh lĩnh chức Tham tri bộ Công. Nhưng không được bao lâu thì vua Minh Mệnh băng hà.

*

* *

Vua Thiệu Trị lên ngôi, bổ Nguyễn Tri Phương vào Tổng đốc An - Hà (Nam kỳ). Hồi ấy, bọn thổ phỉ dấy loạn ở phủ Ba Xuyên, tỉnh An Giang (Sóc Trăng). Quan Tổng trấn Sóc Trăng Dương Văn Phong hành quân kém cõi, đã bao lần bó tay thua giặc, đệ sớ về kinh xin quân cứu viện, nên vua Thiệu Trị mới cử Nguyễn Tri Phương vào Nam kỳ.

Lúc ông lên đường, nhà vua thân giao chiếu chỉ cho ông và ân cần dặn:

"Khanh hãy giữ một dạ trung thành. Sai khanh đi như thế này, Trẫm giao cho khanh việc vào sinh ra tử, khanh nên gắng sức để yên lòng Trẫm".

Ông cảm động lĩnh chiếu chỉ, lui về nghỉ ngơi ba hôm, rồi cất quân lên đường. Vào đến nơi, ông thương nghị với quan Chưởng vệ Nguyễn Công Nhân:

"Quân ta mới đến, nhuệ khí còn hăng, cần phải giao phong gấp mới mong đuổi được giặc".

Lại sợ đám tàn quân bại trận của viên Tổng đốc Dương Văn Phong ngày trước sẽ gieo nỗi thất vọng cho quân ở kinh mới kéo vào, ông thân hành đi các đồn lũy, dùng lời nghĩa khí kích thích lòng quân. Khi biết đích rằng mọi người đều một dạ trung thành và can đảm theo hiệu lệnh của chủ tướng, ông liền chia toàn đội ra

làm ba đạo, cùng với bọn thổ phỉ ở Trà Tân, Sóc Trăng, huyết chiến suốt mấy đêm ngày. Ông thắng trận. Tiếng sủng vừa ngớt, ông tiếp được tin ở Ba Viên cho hay bọn tàn quân đang đốt phá các đồn luỹ ở bờ biển Hà Tiên. Ông tức tốc giao cho quan Chưởng vệ Nguyễn Công Nhân đem binh cứu viện, rồi thân hành dẫn đại đội qua sông Vĩnh Tế, dựng đồn luỹ để tiếp viện; ông đánh tan giặc ở núi Tượng, rồi kéo quân về Ba Xuyên, hợp với Tôn Thất Nghị đánh Sóc Trăng. Hiểu rõ chiến thuật, hết lòng yêu mến và kích thích quân sĩ, ông chỉ huy quân đội đến đâu, được thắng trận đến đấy.

Các tin ấy về kinh, vua Thiệu Trị ân tứ cho ông nhất hạng Kim tiền, và nhiều lần, giữa lúc đông đủ đình thần, nhà vua đã không quên khen ngợi, nhắc đi nhắc lại với quan Phụ chánh Trương Đăng Quế cái chí anh hùng, lòng hy sinh hiem có của Nguyễn Tri Phương.

Trong năm ấy, ông cùng với Nguyễn Tấn Lâm, Tôn Thất Nghị dời đại quân qua Lạc Hoá để tiến đánh giặc Mọi ở hai miền Tiền Giang và Hậu Giang. Đánh hơn mười trận, ông thắng cả, cướp được đồn luỹ của giặc, lấy lương thực đem cấp phát cho bản dân.

Đầu đảng giặc là tướng Tâu Lâm Sâm thu thập tàn binh về ẩn núp ở Đàng Lầm, Cầu Lũy, hợp các

tướng sĩ, chỉnh đốn binh mã, liều chết để chống cự với Nguyễn Tri Phương. Ông được tin này, biết rõ cơ mưu của giặc, mộ thêm lính tráng, hợp với các đạo quân, dốc sức phá tan những nơi hiểm yếu của giặc. Thế là không mấy lúc, ông đoạt lại những miền Lâm Sâm chiếm cứ.

Lúc ông đánh Lạc Hóa, vua Thiệu Trị có ban cho ông một bài thơ, lời lẽ vô cùng thống thiết:

雨洗兵銷協所文

Vũ tẩy binh tiêu hiệp sở văn,

佳章連接捷馳聞

Giai chương liên tiếp tiếp tri văn

攻其無備良謀將

Công kỳ vô bị lương mưu tướng,

勇各爭先不撼軍

Dũng các tranh tiên bất hám quân.

烏合三千皆魄散

Ô hợp tam thiên giai phách tán,

黃池百柵盡屍分

Hoàng trì bách sách tận thi phân.

乘機破竹收全勝

Thừa cơ phá trúc thâu toàn thắng,

樂化移師建大勳

Lạc Hoá di sư kiến đại huân.

Dịch:

*Mưa giội quân tan tiếng đã đầy,
Bao tin thắng trận tiếp liền tay.
Đánh khi bất ý mưu khôn địch,
Tiến trước ba quân chí chẳng lay.
Ô hợp ba nghìn kinh mất vía,
Hoàng trì trăm trại chất đầy thây.
Chẻ tre thừa thế thu toàn thắng,
Lạc Hoá công cao ắt ở đây.*

Tuy nhiên, mầm loạn vẫn chưa trừ được hẳn, vì chính phủ Xiêm vẫn ngầm giúp các dư đảng ở Lạc Hoá, Ba Xuyên.

Qua năm sau, Thiệu Trị thứ 2, được tin báo quân giặc đã kéo qua các sông Vĩnh Tế, Tiền Giang và Hậu Giang ở Hà Tiên, ông liền từ An Giang lập tức cầm quân đuổi đánh bọn phiến loạn.

Ở Huế được tin, vua Thiệu Trị liền xuống lời khen:

"Như thế là Nguyễn Tri Phương đã giúp Trầm trừ một mối lo về phía Nam". Vua ban thưởng cho ông quân công nhất cấp, kim cương, liên châu và một chiếc đồng hồ quả quýt, một món bảo vật hiếm về thời bấy giờ.

Năm Thiệu Trị thứ tư (1844), Nguyễn Tri Phương được nhậm chức Tổng đốc An Giang (Nam kỳ). Vừa đến nơi, ông đệ sớ về tâu rằng thành Trấn Tây xứ Cao Miên có thể chiếm lại được, và ông xin phép cất quân hạ thành.

Vua truyền ông nên xem xét tình hình địch quân, rồi sẽ bàn đến việc tiến binh. Mùa thu năm ấy, Xiêm La quốc vương phái người đến yết kiến ông và yêu cầu tha mẹ Nặc Ông Đôn là vua Chân Lạp. Nếu ông nhận lời thỉnh cầu thì Xiêm sẽ rút quân và ký hiệp ước giảng hòa với Nam triều.

Nguyễn Tri Phương tiếp sứ, nhất định đòi cho được quốc thư của hai nước Xiêm La và Chân Lạp mới chịu điều đình. Nhưng lúc sứ giả ra về, đợi mãi không thấy, ông liền dâng sớ về triều:

"Xiêm không bao giờ chịu bỏ thành Trấn Tây. Việc cầu hòa của họ chỉ là kế hoãn binh. Nếu chúng ta để chậm thì địch quân đủ thì giờ chỉnh đốn quân bị và chăm lo phòng thủ. Sự thành công của quân ta là ngay

bây giờ phải cử đại binh liều sống chết với giặc một phen, mới mong thần phục họ được lâu dài."

Ông chưa tiếp được chiếu chỉ thì qua năm sau, Xiêm lại dùng kế dụ bắt viên thuộc lại ở Tây Ninh là Nguyễn Bá Hữu. Tướng Xiêm buộc Nguyễn Bá Hữu viết thư về cho viên trấn thủ Tây Ninh là Cao Hữu Bằng, thúc dục Nam quân phải rút lui thì Bá Hữu mới được tha về. Cao Hữu Bằng một mặt dâng sớ về triều, một mặt viết thư sang An Giang cấp báo với Nguyễn Tri Phương.

Ông bác việc cầu hòa của Xiêm.

Vua Thiệu Trị tiếp được mật tấu của Cao Hữu Bằng, liền bàn với các quan đại thần:

"Gửi thư cầu hòa với giặc là một điều quan hệ đến thể thống của quốc gia, chắc thế nào Nguyễn Tri Phương cũng không chịu hành động như vậy."

Quả nhiên hôm sau có biểu ở An Giang đệ về kinh, xin vua kéo quân đánh giặc. Vua Thiệu Trị mỉm cười, phán với triều thần:

"Trẫm đoán trước thật không lầm".

Nguyên trước kia, tướng Xiêm La là Phi Nhả Chất

Tri đã chiếm thành Trấn Tây và làm cho dân vong quốc Cao Miên vô cùng thống khổ với một chính thể cai trị rất tàn ác. Thấy mấy phen quân ta sang đánh đều thắng lợi, người Cao Miên muốn nhân cơ hội để trả thù. Họ liền gửi mật thư sang cho Nguyễn Tri Phương, tình nguyện làm nội ứng. Ông nghĩ hiện nay dân Cao Miên ở Ba Nam, Kỳ Tô, phần đông đã muốn đầu hàng, nếu không đem quân tiếp ứng để thu phục lòng người thì một ngày kia, e khó mà cầu cho họ qui thuận. Ông đem việc ấy thương nghị cùng Doãn Uẩn, rồi tháng 6 năm 1845, chia quân ra làm hai đạo, tiến đến bờ cõi Cao Miên, phá được thành Sách Xô. Nhưng tướng Xiêm liêu chết cố giữ đồn Thiết Thành (Dây Sắt).

Dưới nắng hạ thiêu đốt, giữa rừng hoang, quân ta phải chịu bao cảnh đói khát, nhưng không ngã lòng là nhờ ở sự điều khiển có trật tự và tấm lòng nhân từ của viên chủ tướng. Một mình trong trại, đêm khuya Nguyễn Tri Phương phải thức thâu canh để mưu việc công thù.

Sau mấy ngày đêm đánh phá kịch liệt, ông hạ được thành Trấn Tây, rồi kéo đánh Nam Vang. Đại binh của Nam triều đi đến đâu, quân giặc bỏ thành trốn đến đấy. Ông cấp bách chiếm cứ xứ Cao Miên và lập đồn lũy cai trị những miền mới thu phục.

THƯ VIỆN T. QUANG TRUNG
ĐỊA CHỈ
016

17
1.692

Tờ báo tiếp đệ về kinh, nhà vua nghi công lao tướng sĩ tận tâm đánh giặc và đem lại cho Tổ quốc một võ công oanh liệt, liền thưởng Nguyễn Tri Phương hàm Hiệp biện và Kim tiên, Kim khánh, v.v....

Bấy giờ ông đem đại quân trở về đóng ở Vĩnh Long và dùng đường thủy tiến đánh dư đảng của quân giặc còn quấy nhiễu các tỉnh miền biển giới xứ Nam kỳ. Quán Cao Miên ẩn ở hai bên bờ sông, trong rừng rậm, bắn tên độc ra như mưa. Nguyễn Tri Phương truyền quân cắm trại để nghỉ cơ mưu đánh giặc. Biết không thể tiến hơn được nữa, ông bỏ đường thủy, đánh đường bộ. Một đạo quân chia ra giữ các đường núi xung yếu và bao vây quân địch; một đạo khác xuất kỳ bất ý xông vào đánh phá tận sào huyệt của chúng. Vì thế nên quân phiến loạn thua to, người chết đầy đường, còn bao nhiêu, hoặc qui hàng, hoặc chạy tán loạn.

Được tin thắng trận, triều đình thăng chức ông Hiệp biện đại học sĩ, sung Khâm sai đại thần và giao cho ông một trách nhiệm rất quan hệ: chỉnh đốn việc cai trị thành Trấn Tây. Muốn tỏ tình thân mật với bấy tôi có công giúp nước, vua Thiệu Trị ban cho ông một áo mặc lạnh để tỏ ý "*giải y tứ cừ*", nghĩa là vua tự cởi áo mình để tặng cho một vị anh hùng nơi biên khốn. Một hôm, đông đủ đình thần, và nhân bàn đến việc Nguyễn

Tri Phương hạ thành Trấn Tây một cách can đảm, vua Thiệu Trị vừa cười, vừa nói với các quan:

"- Gần đây, Trẫm được tin ở quân thứ đưa về cho hay rằng: trong lúc Nguyễn Tri Phương cùng quân Cao Miên đối trận, đạn bắn như mưa, các tướng sĩ xin chủ tướng hạ bớt lòng, vì quân giặc thấy lòng ở đâu là bắn tới đó. Phương mắng không cho, và truyền lệnh giương thêm hai lòng nữa, rồi tự mình hăng hái xông ra giữa trận. Quân sĩ thấy vậy, hết lòng can đảm, liều chết với chủ帥. Nhờ mưu kế và chí khí anh hùng, Nguyễn Tri Phương thu được thành. Trẫm tự nghĩ nếu gặp bọn khiếp nhược thì chưa đánh ắt đã chạy trốn rồi."

Các quan nhìn nhau, im lặng.

Mùa đông năm ấy (1845), được tin tướng Xiêm là Phi Nhã Chất Tri rút về Ô Đông, Nguyễn Tri Phương vội kéo quân đến vây thành. Chất Tri sợ hãi, sai sứ đến yết kiến ông và xin hoãn binh. Ông bàn với Doãn Uẩn:

"Ô Đông tuy là cô thành, nhưng địa thế vững chắc, quân nhu, khí giới còn nhiều. Chất Tri và Ong Đôn đang cùng nhau hiệp lực, tất chưa rời nhau. Vả công thành không bằng công tâm, toàn sự tức là toàn thắng. Tôi thiết nghĩ nên cho chúng hòa. Binh lính của ta đã đánh Đông dẹp Bắc nhiều trận rồi, sức chiến thắng e

cũng mòn mỏi”.

Hai người nghị xong, dâng sớ về kinh. Vua Thiệu Trị không bằng lòng, cho rằng ông làm như thế là để giặc có thì giờ dưỡng sức và phòng bị. Nhưng nhà vua cũng cho ông được quyền bãi binh, vì biết nội các quan đại thần chỉ có ông là người chịu xông pha chinh chiến và đảm đương được những công việc nguy hiểm.

Được ít lâu, Chát Tri sai sứ hẹn cùng ông ngày hội ước. Đúng ngày, đại quân theo sau, Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn đến chỗ hội. Vừa nghe tiếng trống báo lệnh, Chát Tri xuống voi làm lễ đón tiếp. Nguyễn Tri Phương hỏi:

- Đã lâu sao không có quốc thư?

Chát Tri phải viện lẽ ngôn ngữ bất đồng, sợ người địch sai, e có điều trở ngại, rồi tự mình dâng bản quốc thư và xin hòa.

- Hòa nghị đã định xong, Phi Nhã tướng quân tính ngày nào lui quân?

- Thưa ngài, chúng tôi đã thua ở Thiết Thành, bỏ thành Nam Vang lui về cố thủ ở đồn Ô Đông thì cái tội bại quân, đối với Xiêm hoàng, chúng tôi không còn chối cãi được nữa. Nếu nay ngài truyền phải rời khỏi Ô Đông

thì e chúng tôi phải chịu tội mất đầu; vậy xin ngài tạm cho chúng tôi đóng quân ở đây, chờ mệnh lệnh của tể quốc, rồi sẽ xin lui về nước, quyết không dám chậm trễ.

Nguyễn Tri Phương thuận cho. Mấy hôm sau, vua Cao Miên là Nặc Ong Đôn tự nộp mình trước cửa trại ông, xin chịu tội và qui hàng.

Kết quả đã đúng như lời Nguyễn Tri Phương nói trước: "Công thành không bằng công tâm, toàn sự tức là toàn thắng".

Nhìn sự bình định xứ Cao Miên và cách mở mang thể lực cho Nam triều ở xứ ấy, nhà vua rất đẹp lòng và ban cho ông một tấm biển vàng trên khắc năm chữ: "*An Tây trí dũng tướng*".

Giữa mùa hạ năm 1847, ông về Huế. Nghĩ ông đã hết lòng vì nước, nhà vua sai thị vệ Nội các ra nghinh tiếp ông ở Nam đình. Tối kinh, nhà vua cho triệu ông vào điện, thưởng ông một bộ áo mát, ban cho ông một cây quạt mà tự tay vua đề bài thơ:

解衣國寵邊疆定

Giải y quốc sủng biên cương định,

賜扇皇風化宇薰

Tử phiến hoàng phong hoá vũ huân

深念宣勞河以答

Thâm niệm tuyên lao hà dĩ đáp?

丹書萬載紀元勳

Đan thư vạn tải kỷ nguyên huân.

Dịch:

Cởi giáp ơn trên, loạn dẹp xong,

Quạt ban gió mát khắp tây đông.

Những lo khó nhọc, chi đền trả?

Muôn quyển đan thư sẽ kỷ công.

Rạng ngày, ngự điện Cần Chánh, vua Thiệu Trị triệu Nguyễn Tri Phương đến trước bệ rồng, ban ngự tấu. Trước khi từ giã, nhà vua lại ban thêm một chén Lương ngọc, một con lạc đà bằng vàng, dụng ý để ví danh tướng với con lạc đà bao năm chịu khát dưới nắng hạn thiêu người của bãi sa mạc.

Nguyễn Tri Phương được thực thụ Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Công bộ Thượng thư phong là Tráng Liệt tử. Nhà vua truyền khắc bốn chữ đồng: "*Bảo Đại định công*", dựng bia ở Võ miếu.

Cùng trong năm ấy (1847), vua Thiệu Trị băng hà.

Sang đầu triều Tự Đức, Nguyễn Tri Phương được

giữ chức Phụ chánh đại thần, sung Kinh lược Nam kỳ. Muốn mở mang cho lục tỉnh, ông dâng sớ về kinh xin:

- 1) Mộ dân khai khẩn đồn điền.
- 2) Cho phép các phạm nhân được ra thú tội để ngăn ngừa phiến loạn.
- 3) Không bắt dân chúng đắp đường xá, xây cầu cống.
- 4) Sửa đổi hình luật và các việc khác, kể đến 13 khoản.

Tài mở mang bờ cõi, óc sáng kiến và sức làm việc không ngừng của ông khiến cho nhiều quan đại thần ghen ghét. Nhất là lại thấy ông được nhà vua biệt đãi thì bọn ăn không ngồi rồi sao chẳng phải lo cho số phận của mình.

Cũng vì thế mà năm Tự Đức thứ 9 (1856), với công cuộc xin khai khẩn đồn điền của ông, viên Án sát Định Tường là Vương Sĩ Kiệt đã mật tấu về kinh, bài bác tờ điều trần, nói mộ dân làm ruộng, khai khẩn đồn điền là một điều bất tiện, tha tù nhân, mở mang hoang địa là sinh trộm cướp, giúp họ có cơ hội trốn tránh.

Sự thực thì đương hồi ấy xứ Nam kỳ còn nhiều đất đai bỏ không, dân cư không được trù mật, trộm cướp vì

đôi khổ nổi lên như rươi. Phương pháp Nguyễn Tri Phương trừ liệu chính để vẫn cứu tình thế ấy, nghĩa là lo cho dân cư được an nghiệp và giải phóng các tù nhân trở về với cuộc đời lương thiện. Triều đình giao lời tâu của Vương Sĩ Kiệt cho bộ Hộ xét. Quan Thượng thư bộ Hộ minh mẫn hơn, cho đấy chỉ là những lời vô lý của một kẻ ngu quan, liền quả quyết tâu với vua Tự Đức:

"Nguyễn Tri Phương bấy lâu nay thực tâm trừ nghi để mưu cầu hạnh phúc cho nước nhà. Nay quan Án sát Vương Sĩ Kiệt, vì muốn mua lấy tiếng cương trực, nên đã tâu những điều phi lý, chỉ trích xằng bậy. Vậy cúi xin Hoàng thượng bỏ việc này, không đem ban đến nữa."

Qua năm 1857, Nguyễn Tri Phương thấy mình tuổi già sức yếu, dâng sớ xin về kinh. Vua Tự Đức ra dụ đây những lời thống thiết:

"Trẫm xét hiện nay ở Nam kỳ, việc khai khẩn đồn điền chưa xong, lại cần phải trấn tĩnh dân tình, đối phó với nạn ngoại xâm, nhiệm vụ to tát ấy, khanh không nên từ chối. Trẫm vẫn biết khanh xa quê hương đã lâu, tình nhớ Trẫm và thương thế nhi rất nặng. Vả Trẫm cũng muốn hội kiến với khanh để thăm hỏi nguyên tình. Vậy hạ chiếu cho khanh được hồi kinh trong vài tháng."

Giữa mùa hạ năm ấy, dân Nam kỳ chen chúc nhau

đi tiền một vị phúc tinh. Đến Huế, nhà vua liền triệu ông vào nội, hỏi tình hình ở Nam kỳ. Ông tâu nhờ chính sách khoan hồng, ông đã dụ nhiều thổ phỉ hoàn lương, dân cư chăm chỉ cấy cấy và lục tỉnh được mùa. Lúc nhà vua hỏi đến tuổi tác và sức khoẻ của ông, ông tâu:

"Hạ thân nay đã 58 tuổi, sức lực giảm hơn thời trai trẻ nhiều".

Vua Tự Đức liền ban cho ông một tấm lụa mát. Trong những ngày nghỉ ngơi ở Huế, ông đem việc khai khẩn đồn điền tâu lên, được vua chuẩn y. Ông cùng các quan ở viện Cơ mật trừ tính công việc ấy.

Sau bao nhiêu năm chinh chiến, lập những võ công hiển hách, Nguyễn Tri Phương cũng tưởng đến lúc thái bình vô sự có thể lưu tại quê nhà để vui thú điền viên. Nhưng một việc tối quan trọng đã lôi cuốn ông trở về với cuộc đời chinh chiến: tiếng súng đầu tiên nổ bùng ở Đà Nẵng đã mở đầu cho một tấn thảm kịch bằng xương và máu mà gần một trăm năm sau chúng ta mới thấy đoạn trót.

Một sự tình cờ của lịch sử khiến Đông phương và Tây phương gặp gỡ nhau trên giải đất Việt Nam. Cuộc tương phùng ấy làm cho dân tộc ta đứng trước một thực trạng rất nguy hiểm. Gươm giáo là lối đánh giặc cổ thời không thể ngăn ngừa một nạn ngoại xâm bằng súng đạn tối tân của khoa học.

Mùa thu năm Tự Đức thứ 9 (1856), chiến hạm "Catinat" của Pháp cập bến Đà Nẵng, bên dải núi Trà Sơn. Các quan địa phương hỏi người Pháp về mục đích của họ đến đây thì các sĩ quan cho hay rằng: một phái bộ ngoại giao mang bức thông điệp cho triều đình Việt Nam. Họ lại nói thêm: Chính phủ Pháp có ý muốn xin vua Tự Đức cho phép kiều dân Pháp được tự do buôn bán và các giáo sĩ tự do truyền giáo trong nước ta.

Rồi chiến hạm ấy chạy thẳng ra Thuận An và cũng dùng một giọng ấy nói với quan trấn thủ Thuận An, như họ đã nói với quan địa phương ở Đà Nẵng. Viên trấn thủ Thuận An nhất định từ chối không chịu tiếp viên thuyền trưởng. Phái bộ Pháp vút lên bãi cát một bó

thư "ngoại giao", và tẩu nhỏ neo ra khơi.

Dù sao, những mảnh giấy ấy cũng được đệ lên nhà vua ngự lãm. Viện Cơ mật họp: các quan xin nhà vua gửi ngay những giấy tờ ấy cho quan trấn thủ Đà Nẵng và bảo giao trả cho phái bộ Pháp. Đồng thời, quan địa phương Đà Nẵng phải giải rõ cho các sĩ quan người Pháp biết rằng: Chính phủ Việt Nam không bao giờ tiếp nhận những thông điệp vút lên bãi cát như thế.

Cũng như lần đầu tiên năm 1847, thương thuyền Pháp đến cửa bể Đà Nẵng lần này đã làm cho nhà vua rất chú ý đến tình thế và nhất là gieo vào dân chúng một mối lo chưa bao giờ có. Trước kia, vua Tự Đức đã nghĩ đến sự cần thiết tổ chức cuộc phòng thủ ở cửa bể Đà Nẵng. Nhà vua truyền cho Mai Công Ngôn nghiên cứu từng li, từng tí những địa điểm quân sự trong bán đảo Trà Sơn, để sau này dựng thêm nhiều pháo đài kiên cố. Cho nên vào khoảng năm 1851, tỉnh Quảng Nam đã có 7 pháo đài. Ngay ở cửa bể Đà Nẵng, trên núi Trà Sơn, hai quan lãnh binh Mai Siêu và Trần Văn Tân đốc sức xây ngày đêm những pháo đài phòng thủ.

Những công cuộc phòng thủ ấy vẫn không đủ làm cho nhà vua bớt lo ngại. Vua Tự Đức thường nói với đình thần:

"Xưa kia, người ta chưa biết dùng súng, đạn. Khi người Tây phương dùng những chiến cụ ấy thì không một trận nào họ không thắng lợi và không một thành trì nào có thể ngăn đón cuộc xung phong của họ. Ngày nay, mọi người phải nhìn nhận súng đạn là thần của chiến tranh. Lành thổ của ta mệnh mông, đối diện với bể đã có thành trì xây đắp ở Đà Nẵng, Qui Nhơn, Cần Giò, là những quân cảng rất hùng hậu. Trong kho, chúng ta còn bao nhiêu đồng, gang tích trữ, Trẫm muốn đúc ngay 9 khẩu đại bác bằng đồng, 9 khẩu bằng gang và 3 khẩu súng nhỏ. Đã có những khẩu đại bác ấy thì không còn lo gì ba quân cảng này nữa."

Than ôi! Ngân số đã hết sạch mà những phương pháp chuẩn bị của nhà vua vẫn không đến một kết quả nào hết. Với 317.000 cân đồng, hai bộ Công và Binh chỉ chế được 150 quả đạn, gửi vào các pháo đài dựng lên ở tỉnh Quảng Nam.

Muốn bù vào sự thiếu thốn ấy và muốn dân thứ được yên lòng nhà vua hạ một chỉ dụ cho các quan đầu tỉnh phải dùng những lời lẽ hùng hồn thay sức mạnh của đại bác:

"Chúng ta không bao giờ tha thứ người Pháp. Nếu sau này có những thương thuyền hoặc chiến hạm của họ đi lại trong bờ bể của ta thì phải đuổi chúng nó ngay và

không được phép cho chúng nó cập bến. Phải luôn luôn canh phòng thật ráo riết tỉnh Gia Định, cửa bể Cần Giuộc, Phú Mỹ và Tam Kỳ. Các quan đầu tỉnh phải nghiên cứu những địa điểm thuận tiện để xây thêm pháo đài và đặt nhiều súng đại bác lớn".

Chính sách của vua Tự Đức, chín năm sau năm 1847 vẫn không một mảy may thay đổi: cự tuyệt và chống nạn ngoại xâm.

Vì thế nên năm 1856, đối với việc chiến hạm Pháp đến xin thông thương và trở lại Đà Nẵng lần thứ hai, sau cuộc thương lượng của họ thất bại ở cửa Thuận An, nhà vua ra mật lệnh cho bộ Binh nghiên cứu việc hành động của người Pháp ở Đà Nẵng.

Đồng thời, quan tổng trấn Quảng Nam dâng sớ về triều, nói những pháo đài ở cửa bể vừa bị đại bác trên tàu của người Pháp triệt hạ. Được tin, nhà vua liền cách chức các quan địa phương và sai Đào Trí lãnh chức Khâm sai đến Đà Nẵng để giữ việc phòng thủ hai pháo đài An Hải và Điện Hải. Về phía người Pháp, sau khi nã súng vào Đà Nẵng, các sĩ quan trên tàu liền trao cho quan tổng trấn cửa bể bức thông điệp gửi cho triều đình, yêu cầu ký hiệp ước thương mại và tự do truyền giáo ở nước ta.

Các nhà chức trách Nam triều cử một phái bộ đến yết kiến các sĩ quan Pháp và cho họ hay rằng: họ đã hành động trái ngược, trong khi họ muốn đi đến một cuộc thương lượng hòa bình. Người Pháp công nhận sự sai lầm vừa qua và hứa sẽ bồi thường cho các quan ta sau khi ký xong hiệp ước.

Cuộc điều đình chưa xong thì chiến hạm thứ hai là chiếc *La Capricieuse* cập bến Đà Nẵng, thả neo bên cạnh chiếc trước. Quan địa phương của ta hỏi đến mục đích của họ thì các sĩ quan trả lời họ đi hộ vệ một phái bộ sắp đến.

Vua Tự Đức rất hoài nghi sự thành tâm của người Pháp; nhà vua truyền tăng thêm lực lượng phòng thủ ở Đà Nẵng.

Hai chiến hạm trên vẫn đi đi lại lại trong cửa bể Đà Nẵng cũng như khơi Thuận An; có ai gạn hỏi thì các sĩ quan Pháp cứ nói là họ đang chờ đợi tin tức của trưởng đoàn phái bộ Pháp.

Nhà vua cũng như dân chúng chỉ biết ngờ ngạc mong mỗi kết quả thành bại ngày mai, không một ai sáng suốt hiểu rõ động cơ chính của cuộc viễn du của người Pháp dọc theo miền duyên hải xứ Trung kỳ.

Năm sau (1857), Đào Trí tâu với nhà vua:

“Phái bộ Pháp Charles de Montigny, cựu lãnh sự ở Thượng Hải, cầm đầu đã đến Đà Nẵng. Họ muốn ký với nước ta một hiệp ước bang giao và yêu cầu tự do truyền giáo. Viên trưởng đoàn lại tuyên bố mình là một thượng quan do Pháp đình sai sang tỏ ý muốn đi đến kinh thành để thương lượng với Nam triều”.

Vua Tự Đức nghĩ một viên Khâm sai thương lượng việc này cũng đủ và giao cho Đào Trí toàn quyền thương thuyết. Lẽ cố nhiên là Đào Trí cự tuyệt những lời thỉnh cầu của người Pháp.

Nhưng vài ngày sau, nhà vua được tin báo hai chiến hạm trên đã nhổ neo lìa khỏi Đà Nẵng và đi về phía hướng Đông. Sự củng cố quân cảng và phòng bị tỉnh Quảng Nam lại trở nên vấn đề cấp tốc. Vào khoảng tháng 5 năm ấy, quan Khâm sai Quảng Nam là Tôn Thất Hạp mật tâu với nhà vua một chiến hạm Anh ghé lại bến Đà Nẵng. Đến tháng 7, triều đình lại được tin hai chiến hạm Pháp đi do thám cửa Nhật Lệ ở Quảng Bình và cửa Ba Lạt ở Hải Dương¹¹.

Thế là cuộc xung đột giữa nước Pháp và nước Việt Nam không cách gì tránh khỏi, vì hồi bấy giờ kỹ nghệ

¹¹ Cửa sông Hồng đổ ra biển, nay thuộc tỉnh Thái Bình (B.T).

các cường quốc Tây phương mới bắt đầu bành trướng, việc tìm thị trường tiêu thụ là điều cần yếu cho sự thịnh trị quốc gia nên người Pháp phải dòm ngó Viễn Đông và muốn chiếm nhiều căn cứ quan trọng trên bán đảo Đông Dương để cạnh tranh thế lực với Anh, Mỹ, Đức. Tuy nhiên, những mục đích trên này, chính phủ Pháp không thể to tiếng mà hô lên với hoàn-cầu.

Để có chính nghĩa cho cuộc xâm lăng, người ta cần phải có một cơ - cơ yếu ớt cũng được. Để tìm lấy cơ ấy, chúng ta sẽ thấy họ bối rối là nhường nào, khi đọc lời ghi chép của một sử gia Pháp là Henri Galos:

"Hồi đó - theo lời Galos. chính phủ Pháp không còn tìm được một cơ nào khác để khai chiến với nước Việt Nam, ngoài cái cơ họ đã làm nhục lá cờ và sứ giả của ta trong vịnh Đà Nẵng và đã hành hạ các giáo sĩ Gia tô. Ngoài ra, nội các lại cử một uỷ ban chuyên xét về những quyền hạn của nước Pháp trong hiệp ước 1787 (tức là hiệp ước do vua Louis XVI ký với giáo sĩ Bá Đa Lộc). Uỷ ban do Nam tước Brénier đứng đầu. Nhưng sau khi đã xem xét hiệp ước ấy rất kỹ càng, uỷ ban phải công nhận rằng vì nước Pháp không thi hành qua một điều kiện nào trong hiệp ước ấy cả, hiệp ước bị coi như vô giá trị".

Muốn cho dư luận cũng tán đồng cuộc chinh phục của chính phủ, triều đình vua Nã Phá Luân đệ tam

tung ra các báo những tin tức rất trái ngược và sai lầm.

Thí dụ, tờ *Moniteur* ra ngày 25-1-1858 viết:

"Danh sách các giáo sĩ ở Viễn Đông hiện đã đổi thành cuốn sổ khai tử rất dài của những người hi sinh vì đạo."

..... Ngày 15 Avril (tháng 4 - B.T), hai tàu Gloire và Victorieuse đương bình tĩnh vào đậu ở bến Đà Nẵng thì thốt nhiên có ngay một đạo thủy quân xông vào công phá họ. Hai tàu ấy đã gắng dạy cho người An Nam một bài học mà trước tình thế hiện thời, hình như họ cũng không giữ được một kỷ niệm sâu xa lắm."

*

* *

Về phía Nam triều, những việc lồi thoi xảy ra ở Đà Nẵng và việc người Pháp bắn phá pháo đài của ta làm cho vua Tự Đức nổi giận, và hơn nữa gieo vào dân chúng một phong trào bài ngoại mà nguyên trước đã có sẵn rồi. Công cuộc truyền giáo bị cấm ngặt, giáo dân bị trừng phạt và nhiều giáo sĩ người Pháp bị tử tội. Hai giáo sĩ Tây Ban Nha là Diaz và Sampeiro cũng bị hành hình trong năm 1857.

Nhân cơ hội, hai nước Pháp và Tây⁽¹⁾ liên minh với nhau, đem một đội viễn chinh sang vãn tội Nam triều. Đội quân này chừng 2300 binh sĩ, dưới quyền tổng chỉ huy của Phó đô đốc Pháp Rigault de Genouilly.

Các chiến hạm Pháp Némésis, Phlégé-ton, Primoguet; các pháo thuyền Dragonne, Fusée, Alarme, Mitraille, v.v.... nhiều tàu phụ chở quân đội như Saône, Gironde, Dordogne, Meurthe, v.v.... và thương thuyền Tây Ban Nha cập bến Đà Nẵng chiều ngày 31 - 8 - 1858.

Rạng ngày sau, đô đốc Rigault de Genouilly gửi một bức tối hậu thư buộc các quan địa phương ta phải đầu hàng và giao các pháo đài Đà Nẵng cho họ. Không được tin trả lời, đô đốc truyền lệnh cho các chiến hạm nã súng vào các pháo đài và cho quân xung phong đổ bộ, giao chiến với quân ta. Chỉ trong vài ngày, hai pháo đài quan yếu của ta là An Hải và Điện Hải đều bị chiếm cứ.

Vua Tự Đức xuống chiếu sai Hữu quân Đô thống Chuông phủ sự Lê Đình Lý lĩnh chức Thống soái và Phan Khắc Thận, Tham tri bộ Hộ lĩnh chức Tham tán quân vụ, kéo 2.000 quân Cẩm Vệ đến tăng lực lượng quân đội đóng ở Quảng Nam và mở cuộc tổng công kích người Pháp.

(1) Chỉ nước Tây Ban Nha, còn gọi là Y Pha Nho (Espague) - (B.T).

Thống soái Lê Đình Lý lập tổng hành doanh ở làng Thị An, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng⁽¹⁾. Quân đội Pháp đổ bộ, cứ tiến mãi. Tiến đến đâu là thành lũy của ta bị phá huỷ đến đó. Ngày 20-9-1858, làng Mỹ Thị bị chiếm cứ rất dễ dàng. Ngay lúc ấy, Thống soái Lê Đình Lý truyền lệnh kháng cự để ngăn đón cuộc tấn công dữ dội của địch quân. Quân Pháp và quân ta giao chiến kịch liệt tại làng Cẩm Lệ cách Đà Nẵng 7 cây số. Lê Đình Lý bị trọng thương, còn quân đội ta chạy tán loạn.

Triều đình Huế được tin thua trận, tạm cử Thống chế Tống Phúc Minh thay chủ tướng chỉ huy quân đội. Nhưng nhà vua tự nghĩ triều đình hiện nay không còn ai tài giỏi và mưu lược hơn Nguyễn Tri Phương để tổ chức cuộc kháng chiến. Thế là viên lão tướng, sau những ngày tĩnh dưỡng ở quê nhà, được triệu ra lĩnh chức Tổng thống quân vụ đại thần tỉnh Quảng Nam. Tổng đốc Phạm Thế Hiển lĩnh chức Tham tán quân vụ và Thống chế Tống Phúc Minh, Đệ đốc.

Cùng trong tháng ấy, các chiến hạm Pháp thừa thắng theo dòng sông Hàn tiến sâu vào nội địa. Quân ta do Đào Tri và Nguyễn Duy chỉ huy, đóng dọc theo hai

(1) Đúng ra là thuộc tỉnh Quảng Nam (B.T).

bờ sông, bắn phá quân Pháp rất dữ dội. Người Pháp núng thế và bị thiệt hại to, phải rút quân ra khỏi cửa Đà Nẵng.

Nhưng vài ngày sau, tám chiến hạm khác quay lại Đà Nẵng để tìm cách tiến sâu vào sông Hàn. Nguyễn Tri Phương hạ lệnh cho Tống Phúc Minh, Phan Khắc Thận và Nguyễn Duy tức tốc chống cự. Chiến hạm Pháp bị thiệt hại khá nhiều: cột buồm gãy tan, khoang thuyền bị bắn thủng, nước chảy vào nhiều chỗ. Được tin thắng trận, nhà vua ngợi khen và trọng thưởng các tướng sĩ.

Đồng thời, Nguyễn Song Thanh và Phạm Hữu Điển chỉ huy quân ta đóng ở các pháo đài cũng lập được nhiều chiến công như: bắt được một chiến hạm của địch quân và giết 7 người trong bọn thủy thủ.

Đến tháng 4-1859, quân đội Pháp trở lại tấn công vô cùng mãnh liệt hai đồn Hóa Quê và Nại Hiên; trong lúc hỗn chiến, hai viên tướng giữ đồn là Nguyễn Triễn và Nguyễn Vi đều tử trận. Vua Tự Đức gia ân ban cấp cho gia quyến hai vị ấy.

Trong những trận giao phong nhỏ, Tống Phúc Minh và Nguyễn Duy phản công dễ dàng và đuổi địch

quân ra khỏi đồn Nại Hiên và đồn Hóa Quê. Một hôm, bất ngờ một toán quân người Pháp gồm có 700 binh sĩ huyết chiến với quân ta ở gần đồn Hóa Quê. Quân Nam triều lại một phen thất trận và Nguyễn Duy suất bị quân Pháp bắt làm tù binh. Nhà vua hay tin, nghĩ quân đội hai bên đều bị thiệt hại như nhau nên không nỡ đổ trách các quan ta.

*

* *

Nhận xét rằng quân ta tuy dùng cảm có thừa, bao giờ cũng sẵn một tấm lòng nhiệt liệt hy sinh để giữ gìn non sông tổ quốc, nhưng không sao chống lại với súng đạn tối tân và tàn phá, Nguyễn Tri Phương mới thực hành triệt để câu "*mạnh dùng sức, yếu dùng mưu*" để phòng thủ Đà Nẵng mà triều đình đã giao cho ông, cái nhiệm vụ tối cao là phải chống giữ đến kỳ cùng.

Ông liền đốc thúc ba quân ngày đêm tận lực xây đắp một hào lũy kiên cố chạy từ làng Hải Châu đến làng Phù Ninh để ngăn ngừa sức tấn công của người Pháp. Dọc theo hào, phía ngoài và bên trong đào một hố rất dài và sâu, cắm dây tre nhọn, trên mặt phủ cỏ. Chung quanh đồn Điện Hải, căn cứ cuối cùng còn trong tay quân ta, ông cho rất nhiều quân sĩ mai phục.

Ngày 8 - 5 -1859, người Pháp không hiểu dụng mưu của ta, liền chia ra ba toán quân tiến đạo, hùng hổ tấn công để mong hạ đồn. Quân ta được lệnh lui dần để dụ quân Pháp vào những nơi hiểm yếu. Địch quân đang hăm hở xông đến, cách đồn Điện Hải không còn bao xa, tưởng sự thắng lợi đã nằm chắc trong tay, sĩ tốt người Pháp ai ai cũng nức lòng tiến tới. Không ngờ phục binh của ta nổi dậy, ở hai bên hào im lặng bỗng vang lên những tiếng reo hò. Quân Pháp tiến thoái lưỡng nan bị quân ta bao vây tứ phía. Trong lúc tinh thần bối rối, hàng ngũ mất trật tự, họ chạy tán loạn, phần đông mắc bẫy sa xuống hầm. Trận này quân ta toàn thắng, giải cứu được đồn Điện Hải.

Tin thắng trận gửi về triều, vua Tự Đức ban thưởng cho Nguyễn Tri Phương một trăm quan tiền.

Thấy những trận đánh cứ kéo dài không hiệu quả, lại thủy thổ làm chướng, trong sĩ tốt người Pháp rất nhiều người bị hại về thời khí và dịch tả, Đô đốc Rigault de Genouilly gửi giấy yêu cầu đình chiến. Nguyễn Tri Phương được trọn quyền xếp đặt và nghị hòa. Nhưng về sau triều đình mới hiểu rõ thâm ý nghị hòa của viên Thống soái liên quân Pháp - Tây là kế hoãn binh để mang quân đi về miền Nam. Vì không bao lâu, triều đình Huế được tin quân Pháp đổ bộ lên tỉnh Gia Định

(Nam kỳ) và triệt hạ những pháo đài Nam Định, Tam Kỳ, Bình Khánh, Phú Mỹ và Hữu Bình. Người Pháp, sau bốn ngày hỗn chiến, đã chiếm được thành Gia Định. Viên Trấn thủ là Võ Duy Ninh, Án sát Lê Từ, vì thành mất, lui về làng Phúc Lý tự tử.

Viên Tổng trấn Long Tường là Trương Văn Uyên, một mặt gửi sớ về triều báo tin thất thủ Gia Định, một mặt cho triệu các viên trấn thủ khác (An Giang, Định Tường, Hà Tiên) để hợp sức chống cự với người Pháp. Trương Văn Uyên cầm quân kéo đến đồn Lão Sám, gần chùa Mai Sơn, trong tỉnh Gia Định. Quân Pháp đổ ra bao vây, quân ta được lệnh lui về cố thủ Vĩnh Long và trong trận này viên chủ tướng bị trọng thương.

Được ít lâu, quân Pháp lại tấn công đồn Thạch Na. Viên tướng giữ đồn là Phó Vệ úy Phạm Gia Vinh chống cự kịch liệt, đánh lui địch quân. Người Pháp lại quay về đánh phá đồn Hải Châu.

Thấy cơ hội tốt, Nguyễn Tri Phương truyền lệnh cho ba quân đại phản công. Nguyễn Song Thanh, Đào Trí và Tôn Thất Hàn đều liều chết giao chiến với người Pháp. Trận ấy địch quân bị thiệt hại lớn. Tin thắng trận báo về kinh, vua Tự Đức cả mừng và ban thưởng các tướng sĩ rất hậu. Riêng với Nguyễn Tri Phương, nhà vua xuống chỉ dụ:

"Lòng can đảm hy sinh của quân đội ta đã đem đến một cuộc thắng trận quan trọng. Hiện nay, nhân cơ hội, ta phải triệt hạ lực lượng của người Pháp để non sông tổ quốc trở về với cảnh thái bình. Đó là ý Trẫm. Khâm thử".

Giữa năm Tự Đức thứ 12 (1859), một hạm đội Pháp lại cập bến Đà Nẵng. Viên trưởng đoàn Cẩm Vệ, Hồ Oai, giữ pháo đài Hải Châu nã súng vào hạm đội Pháp, bắn chìm ba chiếc. Hôm sau, quân đội Pháp đổ bộ rất đông, chiếm cứ đồn Hải Châu và hai đồn nhỏ chung quanh. Tổng Phúc Minh dẫn quân lui về hào lũy Phú Ninh để kháng cự. Nguyễn Duy mang quân đến cứu viện; trong một trận phản công mãnh liệt, quân ta đánh lùi quân địch, nhưng bên ta quân sĩ tử trận và bị thương rất nhiều.

Ngày 19-10-1859, Phó Đô đốc Page, thế chân cho Đô đốc Rigault de Genouilly dẫn một đại đội chiến thuyền trở lại bắn phá đồn Điện Hải.

Ngày 18 - 11, chín chiếc thiết hạm và 20 thương thuyền chở quân Pháp -Tây đổ bộ nhiều nơi, cùng khai chiến một lúc hai đồn Phú Ninh và Thất Đàm. Mục đích cuộc tấn công này là triệt hạ các pháo đài ta ở tả ngạn cửa bể Đà Nẵng, trên con đường ra Huế. Người Pháp muốn thắng một trận cuối cùng và đánh tan quân đội

Nguyễn Tri Phương, trước khi kéo quân vào Nam kỳ.

Nhưng quân Nam triều chống cự rất ráo riết và gìn giữ từng tấc đất một. Kỳ hạm "Némésis" do Đô đốc Page chỉ huy, bị súng ở trên các pháo đài ta bắn dữ dội. Chính người Pháp cũng công nhận pháo binh của ta nhằm rất đúng và bắn rất tài tình; trên boong chiếc kỳ hạm này có nhiều quân sĩ đứng xung quanh Đô đốc Page bị hại: viên lái tàu rơi đầu, thiếu tá công binh Dupré Déroulède trúng đạn, thân hình đứt ra làm hai mảnh, đại úy thủy binh Fitz Jammes bị trọng thương, một sĩ quan khác bị thương.

Đến lúc đại bác trên chiến hạm Pháp tàn phá tất cả pháo đài của ta và tiếng súng của quân ta đã im, Đô đốc Page truyền lệnh cho viên Tham mưu trưởng quân đội viễn chinh là De Saul đem 300 quân đổ bộ, hỗn chiến với quân ta. Sau một trận áp chiến dữ dội, người Pháp chiếm được pháo đài và treo cờ ba sắc⁽¹⁾ lên đài. Trận này liên quân Pháp - Tây tử trận và bị thương rất nhiều, nhưng họ lặn chủ được con đường quan lộ từ Đà Nẵng ra Huế.

Quân ta bị người Pháp công kích luôn cả hai đường

(1) Cờ nước Pháp có 3 màu xanh, trắng, đỏ (B.T).

thủy và bộ như đã nói trên nên bị thua to và rút lui về cố thủ sau hai lũy Nại Hiên và Liên Trì. Quân Nam triều thiệt hại rất nhiều, Nguyễn Tri Phương và tất cả các tướng dăng biểu về kinh chịu tội.

Nguyễn Tri Phương và Phó tướng là Phạm Thế Hiển bị cách lưu.

Mùa đông năm 1859, nhà vua ngự trên lầu bán nguyệt, nhìn cảnh mưa sa gió táp, sực nghi đến Nguyễn Tri Phương, tuổi quá lục tuần mà vẫn còn xông pha chinh chiến, giải gió dầm sương, thì buồn bã vô cùng. Vua Tự Đức liền cởi chiếc ngự phục bằng nhung, có thêu lưỡng long triều nguyệt⁽¹⁾, truyền thị vệ giao cho trạm đem ban cho Nguyễn Tri Phương.

Nhân việc người Pháp hai lần thay đổi chủ tướng để quyết liệt tấn công Đà Nẵng và cố sức chiếm con đường bộ về Huế, Nguyễn Tri Phương dăng sớ về kinh: *"Quân Pháp hiện nay đã có thủy bộ nương nhau. Minh muốn đánh họ bằng đường thủy hay bằng đường bộ đều là việc không nên cả. Vũ sủng đại bác của quân Pháp rất tinh xảo, người lính Pháp trong các trận giao phong vừa rồi với quân ta, tỏ ra rất can đảm. Trái lại, quân ta*

(1) Hai con rồng châu vào mặt trăng (B.T).

có nhiều kẻ sợ sệt, nhiều người lạ nước lạ non, sức chiến đấu rất kém. Với tinh thần và thực lực của ba quân như thế, giữ thế thủ chưa xong, hướng hồ là tấn công quân địch. Vậy xin Thánh thượng cho phép hạ thần chia quân đội đóng giữ các thành trì và đồn lũy, còn dư bao nhiêu dùng lối mai phục đánh úp quân Pháp. Lúc này cần phải tổ chức ngay công cuộc phòng thủ để đủ thì giờ xếp đặt”.

Tiếp thay nhà Vua không nghe lời ấy và hạ chiếu trách ông rằng làm như thế là sợ oai giặc và gieo vào dân chúng sự lo lắng hãi hùng. Nhà vua lại gạn hỏi trong ba điều *Hòa, Chiến, Thủ*, ông định dùng chước gì, và truyền cho ông phải tâu rõ ràng công việc quân thứ, chớ nghĩ rằng triều đình thiếu tướng tài ra trận. Tiếp được chiếu, Nguyễn Tri Phương liền dâng biểu tạ tội.

Vẫn giữ thế thủ, Nguyễn Tri Phương đắp thêm đồn lũy, chia quân đóng khắp nơi, ngày đêm chăm lo việc phòng thủ Đà Nẵng.

Ngày 23 - 3 - 1860, quân Pháp phóng hỏa các đồn Trà Sơn, An Hải và Điện Hải, rồi kéo xuống tàu đi về phía Nam. Chính lúc đó là lúc họ muốn tập trung tất cả lực lượng vào Bến Nghé để hạ thành Sài Gòn.

Tiếng súng ở Đà Nẵng dứt; nhưng tiếng vang của nó đã đưa vua Tự Đức và triều đình Huế vào một cơn ác mộng. Nhà vua hạ chiếu đòi các đại thần về triều để hỏi ý kiến về ba vấn đề *Hòa, Chiến, Thủ*, mấy điều cần yếu trong tình hình nghiêm trọng bấy giờ.

Theo ý các ông Phan Thanh Giản, Trương Đăng Quế và Lưu Lăng thì:

"Súng đạn và chiến hạm của người Pháp rất tinh xảo. Họ lại thạo về môn thủy chiến. Vì vậy, ta không mong thắng được họ trong lúc này. Ta phải tập trung lực lượng vào công việc phòng thủ bờ cõi nước nhà. Bao giờ ta đầy đủ về các phương diện, chừng ấy ta sẽ bàn nên chiến hay nên hòa. Nếu ta không đủ lực lượng phòng bị thì đừng mong khai chiến hay nghị hòa với họ."

Trong một tờ điều trần thứ hai, các ông Trần Văn Trung, Trương Quốc Dụng, Tống Phúc Minh, Lâm Duy Hiệp, Phan Hữu Vinh, Phạm Chi Hương, Nguyễn Xuân

Hương, Lê Đức và Võ Xuân Sáng tâu:

"Cũng như tất cả những người da trắng khác, người Pháp có cái tham vọng xâm chiếm đất đai. Họ dùng phương pháp chiến tranh để khuyếch trương nền thương mại của họ. Mục đích duy nhất của họ là tìm thị trường để tiêu thụ hàng hoá. Tuy địa thế hai nước Pháp, Nam cách xa nhau hàng vạn dặm, nhưng ta phải tin rằng vì những nguyên nhân nói trên, người Pháp không khi nào bỏ cái ý định chiếm cứ nước ta.

Những cuộc thắng trận ở Đà-Nẵng, Gia Định đã giúp họ được những căn cứ quan hệ cho chiến thuyền của họ. Họ lại vừa trao cho ta những bức thông điệp ngoại giao. Tuy các thư này chưa được phiên dịch rõ ràng, nhưng ta cũng đại khái đoán được là họ yêu cầu hai điều:

1) Được quyền mở các công ty thương mại ở Đà Nẵng để giao dịch với ta.

2) Cho các giáo sĩ được tự do đi lại trong nước để truyền đạo Thiên Chúa.

Ta không thể tiếp nhận hai điều yêu cầu này. Thế nào người Pháp cũng bất mãn, và còn quấy nhiễu ta nhiều nữa.

Lực lượng thủy quân của họ rất hùng hậu. Ngay chính người Tàu cũng khó lòng kháng cự được với họ. Vì thế, ta chưa có thể dụng toàn lực với họ lúc này. Nếu ta còn thua trận nữa thì lãnh thổ Việt Nam khó mong bảo toàn được.

Chỉ bằng quay về mặt phòng thủ, chờ những cơ hội may mắn, hoàn cảnh thuận lợi, chừng ấy ta sẽ đem toàn lực đối phó.

Nếu ta phòng bị cẩn thận và đối phó đến kỳ cùng, thì chưa chắc họ đã làm gì ta nổi."

Một tờ điều trần thứ ba, do các ông Tô Linh, Phạm Hữu Nghị, Trần Văn Vi, Lê Hiến Hữu, Nguyễn Đăng Điền, Hồ Sĩ Tuần lại khuyên triều đình nên kháng chiến với người Pháp:

"Địa thế ở Gia Định không thuận tiện cho chúng ta bằng ở Quảng Nam để tổ chức một chiến cuộc phản công mãnh liệt. Tại Gia Định, chiến thuyền Pháp rất ít và đậu xa ngoài khơi, như thế khó lòng giáp chiến được. Ở Quảng Nam, chiến thuyền Pháp đông hơn, lại thả neo trong dòng sông Hàn, tầm súng của ta có thể bắn tới họ.

Vậy xin truyền cho các quan địa phương phải phòng bị cẩn mật và quân đội phải sắp đặt chỉnh tề, đợi khi người Pháp ở các chiến thuyền đổ bộ, sẽ cùng họ

huyết chiến. Được như thế, chúng ta sẽ có hi vọng thắng trong những trận giao phong giữa hai quân ở trên bộ.

Hiện nay, ta không vì một lẽ gì mà nghị hòa với họ. Cầu hòa, tất nhiên phải dung túng họ trong công cuộc xây dựng các nhà thờ để truyền giáo và thành lập các công ty thương mại."

Nếu phần đông triều đình chủ chiến thì cũng vẫn có một nhóm người là Võ Đức Nhu, Phạm Thanh và Nguyễn Khắc Cần lại yêu cầu nhà vua tìm cách thương lượng với người Pháp. Đây là ý kiến của các người ấy:

"Triều đình truyền lệnh cho các quan địa phương gửi cho người Pháp một bức thư, trong trách họ gây nạn chiến tranh. Lời lẽ trong thư phải chú trọng đến những quan điểm về công lý. Dợi cho họ trả lời đi đã, rồi ta sẽ hành động sau. Chúng ta có thể nghị hòa với Pháp, nếu sau khi ta cho phép họ truyền giáo và thông thương, quân đội họ phải rút khỏi nước ta. Nếu họ không bằng lòng như vậy thì ta phải hăng hái chiến đấu đến kỳ cùng".

Các ông Lê Chí Tín, Đoàn Thọ, Tôn Thất Trường và Nguyễn Hào mạnh bạo hơn, dâng sớ lên nhà vua xin ký hiệp ước giảng hòa ngay với Pháp:

"Với binh lực của ta, chỉ có thể đương đầu với địch

quân lúc nào có những tình thế thuận tiện. Nhưng tình thế hiện nay không thuận tiện chút nào. Ký một hiệp ước hòa bình lúc này, chính là ta dùng đến phương pháp cuối cùng. Tại sao lại không nghĩ đến phương pháp này ngay bây giờ là lúc ta có thể thực hành mà không sợ tổn thương đến danh dự Tổ quốc? Dân tình rất khao khát hòa bình, rất mong mỗi được hàn kín những vết thương do chiến tranh tàn khốc gây nên. Nếu ta còn do dự trong việc tìm phương kế thi về sau ta sẽ còn bị khốn đốn nhiều. Địch quân đã bàn đến việc thân thiện, ta phải nhận ngay kẻo muộn”.

Trước những tờ điều trần đầy những ý kiến tương phản như thế, nhà vua phải kết thúc bằng một câu:

"Nếu kháng chiến với người Pháp là một việc rất khó thì ký hòa ước với họ lại là việc khó gấp trăm phần".

Giữa lúc ấy, một vị thượng quan ở Bắc hà về, ông Bùi Quý dâng biểu, tâu:

"Hạ thần không rõ nên theo những ý kiến hòa hay chiến của các bạn đồng liêu. Các ông này không bao giờ đồng ý với nhau để chia sẻ một vài phần trong nhiệm vụ to tát của Thánh thượng. Ông nào cũng có thành kiến riêng, chứ không quan tâm đến lời lẽ của người khác. Vì thế cho nên lúc nào người Pháp gieo sự khủng bố cho ta

thì ở triều đình thiếu sự đồng tâm, hợp ý để giải quyết mọi vấn đề khó khăn.

Trong lúc tình thế vô cùng nghiêm trọng này, cúi xin Thánh thượng ban chỉ bắt đình thần phải giải quyết triệt để mọi việc, không được cường".

Tờ điều trần này được nhà vua phê:

"Trẫm khen khanh có khí tượng và có lòng ngay thẳng. Sở của khanh sẽ giao cho đình thần nghị quyết."

Trong lúc nhà vua và triều đình chưa liệu định được việc gì thì quân đội Pháp vẫn tấn công tỉnh thành Gia Định. Vua Tự Đức sai Nguyễn Tri Phương vào Nam kỳ cầm quân chống giữ; nhưng sức người chống sao được với sức mạnh của cơ khí: Nguyễn Tri Phương thất trận ở Chí Hòa, toàn hạt Gia Định về tay họ. Nhà vua lại sai tiếp Nguyễn Bá Nghi lĩnh chức Khâm sai đại thần để giao thiệp với quân Pháp đang đóng giữ tại Gia Định và thành Định Tường (Mỹ Tho) là nơi họ vừa chiếm được.

Than ôi! Triều đình Huế vẫn kéo dài cái oai tàn của mình trong việc chinh chiến, dù lẽ thất bại đã nắm sẵn trong tay! Muốn hòa, hòa không được. Muốn chiến, chiến không xong.

Nhà vua và các quan ta dù sáng suốt đến đâu cũng không thể giải quyết tình thế nguy ngập của nước Việt Nam hồi bấy giờ. Người Pháp hạ hết thành này đến thành khác, tuy họ vẫn giao thiệp với quân ta để nghị hòa. Cái lối ngoại giao đi đôi với cuộc hành binh của họ đã làm cho cả dân tộc ta, từ vua đến dân, từ quan đến lính, nhìn nhau ngơ ngác, chẳng biết làm sao cả. Trong cơn giông tố ấy, con thuyền Việt Nam không chèo, không lái, vẫn trôi theo giòng nước.

*

* *

Vừa đến Nam kỳ, Nguyễn Bá Nghi đã có ý định cầu hòa, nên liền gửi ngay tờ điều trần này về vua Tự Đức:

"Chiến hạm Pháp chạy với một tốc độ rất khủng khiếp. Đạn đại bác của họ tàn phá rất dễ dàng những thành lũy kiên cố của ta, và tầm súng của họ có thể bắn xa hàng mấy mươi dặm. Chiến đấu với quân Pháp, hạ thân không có chút hi vọng nào thắng trận. Giao chiến với họ hay chống giữ thành trì đều thất lợi; thật không còn có phương nào dụng binh được nữa.

Dưới triều Tiên đế, lúc hạ thân còn quyền Bố chính Quảng Nam, chiến hạm Pháp khai chiến với pháo

thuyền bằng đồng của ta ở vịnh Đà Nẵng, hạ thần đã thấy rõ sức mạnh của họ; súng đại bác của họ bắn vừa trúng, vừa xa, giao chiến chưa được mấy chốc mà pháo thuyền của ta đều bị đánh chìm.

Trong bốn năm gần đây, dù nhờ binh sĩ dũng cảm, súng đạn dồi dào và thành lũy kiên cố, quân ta vẫn bị đại bại. Ta phải công nhận binh lực của địch quân hơn ta đến mười lần.

Nhưng than ôi! Các đại tướng Nam triều không hiểu rõ tình hình nguy ngập của quân ta. Họ cứ nhắm mắt đánh liều. Thành Gia Định và Định Tường thất thủ! Đó là kết quả thảm hại do trí mờ ám và sự bất cẩn của những người cầm vận mệnh quân đội ta gây nên.

Vừa đến Biên Hòa, hạ thần xem xét ngay tình hình nguy ngập của ta. Hạ thần đã dùng chức giao thiệp với người Pháp để được biết tường tận những ý định của viên thống soái Pháp và những cách chỉnh đốn quân lực của họ. Ngày nay, hạ thần dám quả quyết: quân ta không thể chống cự được với quân Pháp, dù ta chỉ chuyên giữ thế thủ. Hạ thần cúi xin Thánh thượng hãy bằng lòng thương lượng với người Pháp để ký ngay một hiệp ước hòa bình. Hạ thần vẫn biết làm như thế, nước ta sẽ bị thiệt hại nhiều; nhưng với tình thế khủng hoảng ngày nay, hạ thần thiết tưởng chỉ còn có phương pháp

này để cứu vãn quốc gia. Nếu Thánh thượng không chuẩn y, hạ thần xin cam chịu tội.

Về phía người Pháp, hình như họ muốn ép chúng ta ký một hiệp ước có lợi cho họ. Họ cố hạ hai thành Gia Định và Định Tường là để khiến cho ta buộc lòng nhận trước những điều kiện của họ.

Đã bốn năm nay, ta không dùng hải quân; các đạo lục quân của ta, vì bị thua liểng xiểng trong nhiều trận, nay chỉ còn độ một nửa. Ta tin vào sức mạnh của súng thần công, đại bác và sự kiên cố của thành lũy để chống giữ từng tấc đất ở Nam kỳ. Nhưng rồi đây, quân lực bị tiêu diệt, tài sản bị hao mòn; nếu chúng ta cứ kéo dài cuộc chinh chiến ra mãi thì kết quả của nó còn khốc hại hơn là ký ngay hiệp ước với người Pháp.

Để chứng thực rằng hòa bình lúc này còn lợi hơn chiến tranh, hạ thần thiết tưởng nên nhắc lại những công cuộc chinh phạt lâu năm và tốn kém dưới hai triều trước để đánh dẹp bọn giặc Mọi và dư đảng Lê Văn Khôi rấy loạn ở miền Nam.

Dưới hai triều oanh liệt ấy, chúng ta có thể dụng toàn quân để dẹp giặc; nhiều sông, ngòi giúp hải quân, trợ lực cho lục quân. Tất cả các đường giao thông thủy, bộ đều ở trong tay ta; sự vận tải lương thực hay khí giới

được hoàn bị. Ấy thế mà ta phải mất ba năm trường mới đánh tan dư đảng của Lê Văn Khôi và hai năm nữa mới chinh phục được giặc Mọi.

Ngày nay, quân lực của ta đã khác lúc trước nhiều. Hai thành Gia Định và Định Tường đã bị người Pháp chiếm cứ. Thành Biên Hòa ở ngay tầm súng của họ. Các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên không giao thông với nhau, việc đem binh cứu viện tương trợ lẫn nhau trở nên khó khăn lắm.

Kéo dài chiến tranh với người Pháp, ta không thể dùng hải quân được, vì hải quân ta không đáng kể; lục quân ta hễ bị bại trận lần này nữa thì không thể lui về ẩn núp ở miền rừng núi (xứ Mọi).

Nếu chúng ta cứ tỏ thật với người Pháp để họ biết chúng ta muốn đi đến một sự hòa hảo lâu dài giữa hai nước thì thành Gia Định rồi đây có hi vọng được trả lại. Dù có nhượng bộ cho họ ít nhiều, nhưng ta có thể gìn giữ được lãnh thổ nước nhà. Nếu với điều kiện nghị hòa của ta, người Pháp không bằng lòng giao lại ta thành Gia Định, thì ta chỉ mất có một thành ấy mà thôi.

Đứng trước sự nguy nan hiện tại đang đe dọa cả toàn quốc, ta không có quyền do dự nữa! Ta còn đủ lực lượng để cầm cự mãi trong một cuộc chiến tranh mà kết

quả rõ rệt là toàn thể xứ Nam kỳ sẽ vào tay người Pháp hay không?

Muốn giải quyết triệt để câu hỏi trên, ngay lúc mới vào Nam kỳ, hạ thần đã xem xét kỹ lưỡng để so sánh quân lực hai bên. Hạ thần thường dụng công thương lượng để điều đình một hòa ước ít thiệt hại cho nước ta. Luôn trong bốn phen, hạ thần tỏ ý cầu hòa với các viên thượng tướng Pháp.

Họ có tính quả quyết và nhất định như bọn Mọi. Lê cố nhiên chúng ta không thể nhượng một tỉnh nào ở Nam kỳ cho người Pháp nếu họ không bằng lòng giải binh. Hạ thần cũng gắng công điều đình một lần trót với viên Thống soái quân đội Pháp. Lúc viên Khâm mạng của ta ra mắt họ, viên chủ tướng bảo rằng tình thế hiện nay khó khăn hơn trước nhiều; ta phải đợi trong một tuần lễ mới có sự định đoạt của nước Pháp...

Một yếu điểm nên ghi nhớ: viên Khâm mạng lúc trở về có cho hạ thần biết rằng đồn quân Pháp rất yên tĩnh, không có một cử động nào làm cho ta nghi ngờ là sẽ có một cuộc tấn công lớn của họ. Bởi vậy, ta phải thận trọng chờ đợi sự quyết định của người Pháp.

Riêng về địch quân, họ lo giữ vững địa thế của họ ở Nam kỳ. Và trước khi xâm chiếm những miền khác, họ

kiến thiết những nơi đã chinh phục. Vì thế, dù ta muốn hành động cách nào để thoát ly cái cảnh nguy ngập hiện tại cũng đều vô hiệu cả; thương thuyết dù khôn khéo đến đâu cũng không thể làm cho người Pháp rời bỏ những tỉnh mà họ đã chiếm cứ.

Vậy kẻ hạ thần cúi xin Thánh thượng hãy lo củng cố lấy dân tâm miền nam Trung kỳ và Nam kỳ.

Nếu Thánh thượng xét cần phải chiếm lại những tỉnh đã mất thì một mặt hạ thần sẽ kéo dài cuộc thương thuyết với người Pháp, một mặt sẽ mật sức cho các quan địa phương chiêu tập thêm quân lính để chình đón đội ngũ của ta và sửa sang lại các thành trì.

Nhưng lần này kế hoạch của ta đã bị tiết lộ, làm cho người Pháp không tín nhiệm lời hứa của ta nữa, thì chúng ta rất lo ngại cuộc phản công dữ dội của họ. Rồi đây, ta không còn đủ sức chống cự với họ, mà thương thuyết nghị hòa lại càng khó khăn hơn trước."

Xem xong tờ điều trần của Nguyễn Bá Nghi, vua Tự Đức phê:

"Trẫm cũng biết như khanh, tình thế hiện nay rất khó xử trí. Vậy khanh làm thế nào cho xứng đáng với nhiệm vụ tối cao của khanh. Khanh hãy nêu cao tài trí và lòng can đảm của khanh lên. Sau một trận bão lớn,

người ta mới rõ sức của cây già."

Thấy mưu nghị hòa của nhóm văn thần không xong, triều đình chỉ còn cách là chống giữ đất nước. Riêng với người Pháp thì chiến thuật của họ là chiếm xong một miền nào, họ quay ra nghỉ ngơi dưỡng sức. Chừng nào quân lực trở lại đầy đủ, họ mới nghĩ chuyện chiếm thêm đất đai khác của ta. Thời hạn dưỡng sức của họ chính là lúc họ bắt tay giao thiệp với ta.

Cuộc giao thiệp giữa hai nước cứ theo cái lối ấy mà kéo dài ra mãi.

Với Nguyễn Tri Phương thì trong công cuộc chinh chiến với người Pháp, ông không có ý gì khác hơn là trải thân làm tướng đã có bốn phần gìn giữ non sông, ông chỉ còn cách là vua sai cầm quân nơi nào thì ông chống giữ nơi ấy cho đến kỳ cùng.

Cái quan niệm ấy, tuy chung ông vẫn giữ được đến chết.

Được tin người Pháp rút quân khỏi cửa bể Đà Nẵng, vua Tự Đức hạ chiếu triệu Nguyễn Tri Phương về kinh.

Nhà vua vời ông đến bên ngự sàng để hỏi về tình hình thành Gia Định, và Hòa, Chiến, Thủ, phải dụng mưu nào?

Ông vốn là người am tường thế cục; bao nhiêu phen ông đã tiên đoán với bạn đồng liêu: "*Người Pháp không chóng thì chầy cũng chiếm cứ nước ta; việc động binh của họ là muốn hạ gáp các thành trì của ta*".

Vì thế nên lúc nghe nhà vua hỏi đến ba lã Chiến, Hòa, Thủ, ông liền tâu rằng đến cơ sự này không còn mong gì thương nghị giải hòa nữa. Vậy chỉ có hai lã Chiến, Thủ mà thôi.

Vua Tự Đức liền hạ chiếu sai Nguyễn Tri Phương vào Nam kỳ. Nhà vua ân cần dặn ông:

"Hiện nay trong triều, Trẫm nhận thấy không có một ai bằng Khanh để nhậm chức Nguyên soái Nam kỳ.

Từ các quan văn võ cho đến bách tính thần dân, ai ai cũng đều hâm mộ tài khanh và đồng thanh tiến cử khanh. Vậy khanh không nên thoái thác một sứ mệnh thiêng liêng là gìn giữ đất nước mà Trẫm đã giao phó cho khanh. Còn ở Đà Nẵng, nếu có việc gì quan trọng xảy đến trong lúc vắng khanh, Trẫm nghĩ cũng phải có một vị đại thần tài cao đức cả để ra đảm đương mọi việc. Khanh hãy cử cho Trẫm một viên Trấn thủ Quảng Nam”

Nghe mấy lời thống thiết, vị lão thần cảm động, tâu:

“Hiện nay quân Pháp đã hợp với quân Miên, giặc Khách, quân Mọi dễ gây phiền loạn ở Nam kỳ. Sự thế bây giờ đã khó khăn gấp bao lần trước. Và lại, quân ta chinh chiến nhiều trận, dân lực không còn được dồi dào nữa. Ở Quảng Nam, hạ thần tự thẹn không lập nên công trạng gì để báo đáp quân ân. Phận làm tôi, khi vào Nam khi Bắc, nếu lệnh vua đã xuống thì hạ thần không dám từ. Hạ thần tự nghĩ thân làm tướng phải hy sinh tính mệnh cho Tổ quốc. Còn việc trấn thủ Quảng Nam, Thánh thượng có thể giao phó trách nhiệm ấy cho hai quan đại thần Phan Thanh Giản và Nguyễn Bá Nghi, ở triều đã lâu, việc quân cơ đều thấu đáo.”

Trước khi từ giã gia quyến, Nguyễn Tri Phương

viết sớ xin thi hành 6 điều khẩn yếu:

1) Hiện nay quốc gia hữu sự, phải chú ý tổ chức binh bị và tạm đình các việc khác chưa cần thiết.

2) Xin đề ý an định xứ Bắc kỳ.

3) Kiểm cách vận tải đại bác vào trong các đồn lũy.

4) Xin phái Phạm Thế Hiển đến quân thứ để cùng bàn mưu lược.

5) Xin viết thư thân thiện với nước Xiêm để Xiêm hoàng không giúp bọn phiến loạn Cao Miên.

6) Phái một vị Khâm mạng sang Xiêm dùng lời hòa thiện, gây tình liên lạc giữa nước họ và nước ta để họ khỏi thông đồng với quân Pháp.

Vua Tự Đức nghe theo các khoản trong tờ điều trần ấy. Cùng trong một ngày, nhà vua truyền cho ông:

"Việc Nam kỳ, Trẫm giao phó cả cho khanh. Khanh nên hết lòng lo lắng đến nước nhà trong thời giờ nghiêm trọng, để gỡ cho Trẫm một mối lo về phía Nam. Còn dẹp bọn phiến loạn, tuy là chức trách các viên thủ lĩnh Hà Tiên, Biên Hòa, nhưng Trẫm cũng giao cho khanh tự quyền sắp đặt, điều gì tiện lợi cứ việc thi hành. Trẫm giao vận mệnh nước nhà vào tay khanh. Trẫm cầu Trời Phật giúp khanh thành công để dân sự trở về cảnh thái

binh. Đức độ và tài trí của Khanh, Trâm đã biết nhiều rồi. Nhưng Khanh có tính nóng nảy, vậy Khanh nên mở lượng bao dung với Sĩ tốt thì đại sự ắt phải thành".

*

* *

Đến Nam kỳ, Nguyễn Tri Phương không nghỉ ngơi một phút nào; ông cho người đi do thám tình hình quân Pháp để biết rõ thực lực của họ.

Lúc ấy, phó đô đốc Page mang một phần lớn quân đội sang Trung Quốc; quyền chỉ huy ở đây giao cho đại úy Ariès. Thủy lục quân Pháp đóng ở Sài Gòn chừng 800 người, trong có 200 quân Tây Ban Nha; đội chiến thuyền gồm có 2 thuyền buồm và 4 chiến hạm lớn. Đồn lũy của họ nằm giữa Sài Gòn - Chợ Lớn dài theo một trận tuyến chừng 7 cây số, có đặt nhiều súng đại bác hạng nặng.

*

* *

Sau khi hiểu rõ tình hình của quân địch, Nguyễn Tri Phương liền bắt đầu hành động. Ông tự nghĩ đối với súng đạn có sức tàn phá rất mãnh liệt của người Pháp, quân ta dù can đảm đến đâu cũng không thể giáp chiến

được, ông dùng ngay một chiến lược nửa là *thủ*, nửa là *công*. Thủ, không phải là hoàn toàn chỉ đợi họ đến đánh mình, rồi mình mới đánh trả lại; cũng không phải là lối án quân bất động, để mặc địch quân muốn *công* hay *thủ* tùy ý, mình chỉ chuyên lo chống giữ mà thôi. Thế công của ông trừ định không phải lối hành quân táo bạo của một viên chủ tướng đem ba quân nộp mình trước miệng súng thần công của Pháp; ông thừa hiểu quân ta tấn công như vậy chỉ mua lấy cái chết vô ý thức. Ông thực hành ngay một chương trình rất mới là dựng chiến lũy để quân ta ẩn núp và bao vây quân đội Pháp.

Nguyễn Tri Phương truyền lệnh xây nhiều pháo đài và bắt đắp những hầm lũy ở phía bắc Sài Gòn, cách chỗ quân Pháp đóng chừng 4 cây số. Chiến lũy bao vây địch quân gồm có vô số pháo đài kiên cố và rất nhiều con đường hầm dài từ 12 đến 16 cây số, pháo đài nào hầm lũy ấy, đủ binh lính canh phòng, đủ chỗ ẩn nấp cho ba quân. Bàn về công việc của ông ở đồn Chí Hòa, nhà viết báo Maxime Vauvert viết trong tạp chí "*Monde Illustré*" ngày 20-4-1861:

"Người Việt Nam tưởng cũng có thể diệt được cánh quân của Pháp. Họ xây dựng ở đồn Chí Hòa những chiến lũy vĩ đại, dựa theo một dãy pháo đài kiên cố, diện tích chừng 12 cây số."

"Tất cả những thành lũy bài trí một cách rất khôn khéo và có một đại đội binh mã chống giữ. Những ụ đất nổi lên núp sau nhiều hàng rào tre, lùm chõ lại có 5 hố sâu đầy lao nhọn, trước mặt có nhiều lớp tường đất, thêm vô số lỗ trống nằm khít nhau, hoặc để nã súng đại bác, ném đá, hoặc phóng các chất dẫn hoả. Cơ binh Pháp bấy giờ rất yếu, nên không thể triệt hạ những thành lũy đó. Đồng thời, mỗi ngày người Việt Nam lại dựng thêm chiến lũy mới để bao vây người Pháp."

Một viên sĩ quan Pháp Phillippe Aude đã dự vào cuộc công kích Chí Hòa, thành thực phê bình chiến lũy Nguyễn Tri Phương trong một bức thư viết trên chiếc kỳ hạm "Impératrice Eugénie" ngày 28-3-1861:

"Những chiến lũy mà người Việt Nam dựng lên rất kiên cố đều bằng đất sét cốt tre; họ làm một đêm gần được 400 thước bề dài, và ban đêm một khi quân Pháp triệt hạ chiến lũy đó thì tảng sáng, ta lại ngạc nhiên thấy nhiều chiến lũy mọc lên, cách tiền quân của ta chỉ 500 thước. Quân Việt Nam rất can đảm, và về dũng cảm cũng như lòng khinh thường trước cái chết, chỉ xem một việc dùng chiến khí sau này của họ thì đủ rõ lời nói của tôi không phải là không xác đáng. Trong khi giao chiến, họ dùng dao; thứ khí giới này chỉ dám được quân địch cách bốn thước, đó là một lối tự vệ rất can đảm, đến

quán Tàu cũng chưa bao giờ nghĩ đến."

Một danh tướng khác trong cơ binh Pháp cũng khen ngợi:

"Thấy phương pháp dụng binh của Nguyễn Tri Phương, người ta phải tin rằng vị nguyên soái anh hùng của nước Nam đã biết phương lược xây dựng lô pháo đài tạm thời như Tottleben ở Sébastopol, Denfert Rochereau ở Belfort, quân Phổ đánh Paris, Osman Pacha trong trận Plevna"⁽¹⁾

Chứng kiến cuộc hành binh của Nguyễn Tri Phương, người Pháp nhiệt liệt truyền tụng:

"Thành lũy của Nguyễn Tri Phương dựng mau như nắm mọc. Hễ chỗ nào có một lòi đi là có ngay một chiến lũy ngăn cản."

Chỗ nào quân ông đến thì thành lũy liền sẵn sàng để quân núp bắn. Muốn cắt đường giao thông của quân Pháp, ông không quên chiếm những yếu điểm quân sự

(1) Tottleben chỉ huy quân Nga trong trận đánh bảo vệ Sébastapol (1855) Denfert-Rochereau, chỉ huy quân Pháp bảo vệ Belfort trong chiến tranh Pháp - Đức năm 1870 - 1871. Osman Pacha, thống chế nước Thổ, chỉ huy cuộc chiến đấu bảo vệ Plevna năm 1877 (B.T).

trên các đường đi Cao Miên, về Huế, sang Mỹ Tho và Tiền Giang, sông Đồng Nai.

Quân Pháp càng ngày càng bị quân đội Nguyễn Tri Phương thất chặt vòng vây; họ lâm vào một tình thế rất nghiêm trọng, đến nỗi trong sáu tháng trời, họ không nhận được tin tức gì ở bên Pháp gửi sang.

Nhưng sau nhờ chiến tranh bên Trung Quốc sớm kết liễu và hòa ước Bắc Kinh ký xong nên có một đại đội binh mã đến giải vây cho họ. Quân ta tuy đông hơn quân Pháp mà không thể diệt trừ được quân của đại úy Ariès cũng do nơi súng đạn họ tinh xảo và bắn xa được vài nghìn thước, nên hễ quân ta đến gần đồn lũy của họ là bị đại bác tàn sát một cách ghê gớm.

Vậy cái thua của ta không phải vì thiếu lòng can đảm hy sinh, cũng không phải thiếu tướng tài điều khiển, hoặc thiếu một chiến lược ứng dụng với tình thế. Sự bại trận của Nguyễn Tri Phương là lẽ dĩ nhiên, vì kỹ thuật chiến tranh của Pháp tiến bộ đến giai đoạn cơ khí ở thế kỷ XIX, mà quân ta thì dùng các khí giới về thời phong kiến. Cự địch với đại bác, thần công, súng trường, lựu đạn, quân ta chỉ mang nào gươm, nào đao, nào súng hoả mai, và một tấm lòng.....

Khi Nguyễn Tri Phương đến thành Gia Định

(1860) thì chiến hạm Pháp đương nã súng vào pháo đài Phú Nhuận (Gia Định), bị quân ta đánh lui. Tin mừng dệ về kinh, vua Tự Đức truyền với đình thần:

"Dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Tri Phương, quân ta bắt đầu tấn công. Tuy vừa mới nhậm chức, mà Nguyễn Tri Phương cũng đã ghi một quân công dưới cờ".

Biết rằng thắng một trận nhỏ không đủ để thay đổi một tình thế chiến tranh, nhưng nhà vua muốn quân ta phấn khởi đánh giặc nên ban thưởng tướng sĩ và ba quân dự vào trận này rất hậu.

Sau khi bao vây được người Pháp, Nguyễn Tri Phương truyền quân liêu chết dưới mưa đạn để hãm đồn Cây Mai. Trong đêm 3 và 4 - 7-1860, ba ngàn dũng sĩ của ông chiếm được một đồn nhỏ của đại úy Fernandez đóng giữ với 100 lính Tây Ban Nha và 60 thủy quân Pháp. Trái phá của quân địch bắn ra không ngớt giữa đêm tăm tối. Quân ta thấy chệt đầy đồng, nhưng Nguyễn Tri Phương cũng vẫn tiến quân; tiếng súng trên đồi vẫn liên tiếp nổ vang, miệng các khẩu đại bác phụ thêm, tiếp tục khạc lửa ra làm sáng cả một góc trời. Nguyễn Tri Phương vẫn thản nhiên xông xáo giữa quân sĩ. Cái chết của ông trong lúc này chỉ còn đếm

từng ly, từng phút. Nghĩ không thể nào hạ thành của Pháp được, và thấy tiền quân của ta đi sâu vào trận địa của họ, ông truyền án binh, hạ trại.

Đến tháng 11 năm ấy, quân Pháp lại tấn công dữ dội các pháo đài vừa lập xong ở Gia Định. Quân ta chống giữ một cách oanh liệt và đánh lui được quân địch. Người Pháp trong trận này thiệt mất 132 quân sĩ. Được tin thắng trận lần thứ nhì, nhà vua trọng thưởng Nguyễn Tri Phương và binh lính dưới trướng.

Hai cuộc thắng nhỏ nói trên chấm dứt giai đoạn thứ nhất trong trận chống với quân Pháp ở Nam kỳ của Nguyễn Tri Phương. Trong giai đoạn này, quân ta có phần thắng lợi và nếu không có đại hác ủng hộ thì cơ binh người Pháp ắt không khỏi bị tiêu diệt.

Nhưng ngày về vang oanh liệt của viên thượng tướng bắt đầu từ đây không trở lại nữa, vì viện binh người Pháp ở Trung Hoa sắp đến.

Chiến tranh Trung Quốc vừa kết liễu. Đô đốc Charner đem một đại đội chiến thuyền và hơn 400 lính trở về tiếp cứu quân Pháp bị vây ở thành Gia Định.

Đội chiến thuyền gồm có hai kỳ hạm *Impératrice Eugénie* trương cờ đô đốc Charner và *Renommée*, cờ phó

đô đốc Page, ba tàu chiến, bốn đại pháo hạm và ba tàu tuần tiễu.

Lục quân có lữ đoàn thứ 2 bộ binh, 3 liên đội thủy quân lục chiến, nhiều liên đội lính đổ bộ, 230 quân Tây Ban Nha và một liên đội quân bản xứ mới mộ ở Đà Nẵng. Pháo binh các chiến hạm được một chi đội pháo thủ lữ đoàn thứ 14 trợ lực. Công binh gồm có một liên đội lính chuyên môn và 800 phu mới mộ ở Tàu. Lại thêm lính kỵ mã Phi châu lĩnh việc do thám và hộ tống bộ Tham mưu.

Viên Tham mưu trưởng là đại tá thủy quân Ladébat. Thiếu tá De Cools lĩnh chức trưởng phòng tham mưu lục quân. Thiếu tướng De Vassoigne chỉ huy lục quân. Đại tá Palanca quân Tây Ban Nha, trung tá Crouzat pháo binh, thiếu tá Allizé de Matignicourt công binh.

Đội quân viễn chinh của đô đốc Charner đến Sài Gòn ngày 6-2-1861. Đô đốc cùng với hai viên trưởng đoàn pháo binh và công binh đi xem xét tình thế đồn Chí Hòa. Người Pháp quyết định chương trình hành quân như thế này:

Chiến thuyền Pháp ngược sông Đồng Nai, phá huỷ tất cả pháo đài dọc hai bờ sông và chiếm thượng lưu

sông này. Người Pháp cho chiến thuyền của họ đậu dài theo sông Sài Gòn và nã súng bắn vào đồn lũy Nguyễn Tri Phương. Lục quân sẽ từ đồn Cây Mai đi ngược lên, bao phủ đồn Chí Hòa. Như thế, quân đội Nam triều bị họ vít vào một vòng đạn lửa, ắt phải tiêu diệt.

Theo chiến lược bao vây này, người Pháp không định tấn công trước mặt (attaque frontale), họ cho cánh lục quân đánh bọc phía tả, thủy quân phía hữu và sau lưng. Hai cánh quân của họ tựa như hai gọng kìm, ép quân ta vào giữa.

Ngày 24 - 2 liên quân Pháp - Tây khởi hành tại đồn Cây Mai, chia làm hai đạo: đạo bên hữu do thiếu tá Allizé de Matignicourt chỉ huy, đạo bên tả do trung tá Desvaux và đại úy Gallinard. Sáng ngày ấy, pháo binh bắn đại bác mở đường, lục quân rầm rộ tiến tới, cướp được một đồn nhỏ của ta. Liên quân Pháp - Tây thiệt mất 5 người và 30 bị thương, trong số đó có thiếu tướng De Vassoigne, đại tá Palanca, thiếu úy Lesèble và viên quản Toly. Hai sĩ quan hãm đồn ta trước nhất là thiếu úy công binh Thénard vào cửa phía hữu và trung úy thủy quân Berger, cửa phía tả.

Ngày 26-2, quân đội Pháp - Tây tiến tới đồn chính Chí Hòa do Nguyễn Tri Phương án giữ. Bấy giờ là lúc

phó đô đốc Charner tự chỉ huy liên quân hãm thành. Pháo binh của trung tá Crouzat đóng ở giữa, cánh hữu do đại tá thuỷ quân Lapelin chỉ huy. Cánh tả là đội bộ binh và công binh. Đội kỵ mã chuyên giữ việc do thám và thông tin tức.

Ở cánh hữu, một chi đội pháo thủ nã đại bác vào đồn quân ta. Pháo binh của ta bắn trả lại và dần dần núng thế; người Pháp tiến đến cách quân ta độ 250 thước mà bắn lên mặt hào, quân ta chết vô số. Tiền quân họ hãm thành; ba người lính Pháp can đảm nhất đi tiên phong: một người tử trận, hai người bị thương.

Ở cánh trung ương, quân của Matignicourt đông nhất và súng ống nhiều nhất, tấn công rất dữ dội, trong khi cánh tả liên đội thứ ba, lữ đoàn thứ tư và quân tình nguyện bản xứ liều chết xông vào.

Quân ta thua chạy, lui về cố thủ ở trong đồn. Người Pháp đuổi theo và đặt thang treo lên cửa thành. Quân ta lấy gươm dao phá huỷ thang, quăng đổ dẫn hoả xuống và nã súng hoả mai, giết hại quân địch.

Tình thế lúc này trở nên nghiêm trọng. Đô đốc Charner đem thêm quân cứu viện cho hai cánh quân tả, hữu. Đội quân phía hữu được nhiều liên đội thuỷ binh và quân Tây Ban Nha giúp, đội phía tả kèm theo hai

liên đội bộ binh.

Cửa đồn bị quân Pháp phá thủng. Liên quân Pháp-Tây toàn thắng. Quân ta chết và bị thương độ 1.000 người. Nguyễn Tri Phương bị thương ở cánh tay, dẫn quân lui về Biên Hòa.

Trong trận này, quân Pháp - Tây bị thiệt hại đến 225 người, vừa chết, vừa bị thương. Sĩ quan tử trận là hai đại úy De Foucault và Rodellec Duporzie, trung úy Berger, hai thiếu úy Noel và Frostin. Trung tá Testard trong cơ binh thủy quân lục chiến và trung úy Laregnière bị trọng thương, về đến bệnh viện thì chết.

Xem trận này đủ biết quân ta đã giao chiến rất can đảm, và người Pháp phải dùng toàn lực mới hạ nổi chiến lũy Nguyễn Tri Phương xây dựng ở đồn Chí Hòa. Các vị thượng quan người Pháp tử trận rất đông, tỏ rằng họ cũng đã hết lòng chiến đấu.

Sự chống cự của Nguyễn Tri Phương thật là oanh liệt. Vì thế nên về sau, khi Nguyễn Tri Phương lĩnh Kinh lược Bắc kỳ, có lần hội kiến với đại úy Francis Garnier tại Hà Nội, ông đã hỏi:

- Hình như tôi đã gặp ngài ở đâu thì phải?

- Bẩm Tướng công⁽¹⁾, tôi đã được gặp Tướng Công ở trận Chí Hòa, và từ ngày ấy, tôi luôn luôn kính phục.

*

* *

Đồn Chí Hòa thất thủ. Quân ta đại bại. Trận này quân sĩ bị thương và chết rất nhiều; Tán lý Nguyễn Duy, em ruột Nguyễn Tri Phương, và Tán tướng Tôn Thất Tri tử trận. Phạm Thế Hiển bị thương, Nguyễn Tri Phương tuy bị thương nặng ở tay, cũng liêu chết dẫn quân lui về cố thủ ở thành Biên Hòa với hai viên Tham tán là Tôn Thất Hạp và Phạm Thế Hiển.

Người Pháp phải nhiều liên đội kỵ mã đánh thành Biên Hòa luôn hai ngày sau (27 và 28-2-1861). Quân ta chống cự ráo riết; quân Pháp lại thôi và rút về thành Gia Định. Bọn giặc Mọi và giáo dân thừa dịp nổi dậy cướp phá. Tình thế quân đội ta lúc này thật là trăm phần nguy kịch.

Nhưng cũng may, Nguyễn Tri Phương có tài đức nên được ba quân cảm phục mà cùng lòng với ông cố thủ Biên Hòa, chờ quân tiếp ứng của triều đình.

(1) Trong bản chữ Pháp để là *Excellence*

Thành Gia Định thất thủ. Nhà vua truyền cho Tán lý Quảng Nam Tôn Thất Đính đem quân bản tỉnh vào Nam kỳ cứu viện. Quan Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Bá Nghi được cử vào Nam linh chức Khâm sai quân vụ đại thần. Thị lang bộ Hình Phạm Xuân Quế giữ chức Tán tương. Tôn Thất Đính Đề đốc, Nguyễn Thông Phó Đề đốc, được bổ nhậm theo với quan Khâm sai mới.

Hay tin Nguyễn Tri Phương bị thương, nhà vua ban được phẩm, sai thị vệ mang vào cho ông và phái ngự y đến tận nơi điều trị. Nhà vua lại gửi thêm sâm, quế, lộc, nhưng để ông mau phục sức.

Dù muốn ân đức thắm nhuần tới quân thứ, nhà vua cũng không quên giao cho đình thần hạch tội bại trận của Nguyễn Tri Phương. Bọn đồng liêu của ông ở triều nhân cơ hội tâu với vua Tự Đức:

"Đại đôn thất thủ, xin Thánh thượng chiếu theo luật nghị tội các tướng lĩnh Nam kỳ."

Nhà vua liền giáng ông xuống chức Tham tri. Nhưng vì Nguyễn Tri Phương trải thờ ba triều, lập nhiều đại công, nên không nỡ truất tước của ông và cho ông tạm thời giải chức Tổng thống quân vụ để ông an tâm tĩnh dưỡng. Hai viên Tham tán cũng bị giáng chức. Phạm Thế Hiển linh Lang trung sung Tán lý, Tôn Thất

Hạ linh Viên ngoại sung Tán tướg, cả hai đều phải lập công chuộc tội dưới trướg quan Khâm sai Nguyễn Bá Nghi. Phạm Thế Hiển bị thương ở trận Chí Hòa, chẳng bao lâu cũng mất.

Vị lão anh hùng lặg lẽ lên đường trở về Bình Thuận.

Ban sớm chiều hôm, ông chỉ còn biết mượn câu thơ chén rượu để gửi tâm sự và hoài bão của mình.

*

**

Sau năm tháng củng cố quân lực, đến tháng 8 năm 1861 (Tự Đức thứ 14), người Pháp lại do hai đường thuỷ, bộ hạ thành Định Tường (Mỹ Tho). Viên trấn thủ là Nguyễn Công Nhân bỏ thành chạy trốn.

Khi Nguyễn Bá Nghi đến Nam kỳ thì ta đã mất Gia Định và Định Tường rồi. Quan Khâm sai và quan Tán tướg Trần Đình Túc bao phen mật tấu với triều đình thương lượng cầu hòa, nhưng công việc đều thất bại. Đến công cuộc chiến đấu với người Pháp thì bọn vắn thân này còn thì thổ được việc gì.

Chiếm hai tỉnh Định Tường và Gia Định, người Pháp liền hạ các đồn Hóc Môn, Rạch Giá, Trảng Bàng;

tháng 11 năm 1861, thành Biên Hòa tiếp thất thủ và kế đó, Vĩnh Long cũng mất luôn.

Thấy sáu tỉnh Nam kỳ, người Pháp đã chiếm được bốn, vua Tự Đức lại đòi Nguyễn Tri Phương vào bộ kiến. Các quan nhân tâu: Nguyễn Tri Phương là một vị lão thần am hiểu chiến thuật, tướng không còn ai hơn, xin nhà vua phục chức cho ông để sai ông cùng Nguyễn Bá Nghi hiệp sức chống giữ đất Biên Hòa mà thành trì đã bị quân Pháp phá vỡ.

Vua Tự Đức hạ chỉ cho Nguyễn Tri Phương khai phục Binh bộ Thượng thư kiêm Biên Hòa quân vụ. Tôn Thất Hạp được phục chức Thị lang bộ Binh, theo Nguyễn Tri Phương lĩnh Tham tán.

Nhà vua lại truyền cho Khâm thiên giám lựa ngày tốt để Nguyễn Tri Phương xuất binh. Lúc qua Quảng Nam, ông cùng với tinh thần Đào Trí và Nguyễn Hiến trừ tính đắp thêm đồn lũy ở Đà Nẵng. Ông thảo tờ tâu việc này gửi về triều, rồi kéo quân vào Nam.

Vừa đến Bình Thuận, ông được tin Nguyễn Bá Nghi cho hay quân lực người Pháp lúc này rất mạnh. Quân ta thua nhiều trận, tản mác khắp nơi, khó lòng lấy lại được các thành lũy hiện trong tay người Pháp. Ông liền đóng binh tại Bình Thuận để liệu mưu phá

giặc. Ông và Tham tán Tôn Thất Hạp gửi về kinh một tờ biểu trong có ba khoản quan trọng về tình hình miền Nam và việc quân cơ. Xem xong, nhà vua dụ:

"Từ lâu nay, các viên tổng trấn Nam kỳ không báo cho triều đình rõ ba khoản quan trọng này; nếu không nhờ hai khanh, Trẫm cũng không quan tâm đến sự khẩn yếu của nó. Vậy truyền cho các tỉnh thần ở Nam kỳ phải hết lòng giải quyết hai khoản đầu là việc sắp đặt trạm thư và chấn chỉnh việc giao hiếu với dân Mọi. Khoản thứ ba về việc quân cơ, Trẫm giao toàn quyền cho hai quan Khâm mạng. Và trước khi động binh phải chú ý sửa chữa hai con đường bộ liên lạc với tỉnh Biên Hòa."

Lúc này, cuộc giao chiến giữa quân ta và quân Pháp không còn hăng hái như trận đánh ở Chí Hòa nữa. Viên phó lãnh binh Trương Định mang quân đóng giữ các đồn ở Gò Công; nhờ dân tráng tình nguyện giúp sức, đội quân này mới cầm cự được lâu dài.

Hải quân ta bấy giờ đóng ở Nhật Tảo (Tân An). Viên thủy tướng Nguyễn Văn Lịch sai hai phó quản Huỳnh Khắc Nhượng và Nguyễn Văn Quan đem chiến thuyền mai phục dọc hai bờ sông gần chiến thuyền của người Pháp.

Nguyễn Văn Lịch tự mình dẫn 50 lính tinh

nguyện, chia ra hai tiểu đội, giả làm lái buôn, từ từ đến gần chiến thuyền Pháp. Thừa một dịp bất ngờ, quân ta nhảy lên mạn thuyền quân địch, giết 4 thủy thủ canh gác, rồi xông vào phá quân Pháp. Vì người Pháp không phòng bị nên một số bị quân ta giết chết, còn những tên khiếp sợ, nhảy xuống sông trốn thoát; một nửa dùng súng trường và đại bác bắn lại quân ta. Nghe hiệu, thủy quân ta nấp hai bên bờ sông, mang chiến thuyền ra đánh. Viên quản toán Nguyễn Học và hương thân Hồ Quang dùng dao búa đâm vào võ sắt bọc các chiến thuyền Pháp. Nhưng đâm không trúng, họ liền phóng hoả đốt thuyền quân địch và rút lui. Quân đội ta hoàn toàn thắng trận và chỉ thiệt mất có 4 tên lính.

Được tin, nhà vua phong cho Nguyễn Văn Quan chức quản cơ và 20 cai đội có công trong trận này đều được thưởng ngân tiền. Triều đình phán phát 1.000 quan tiền cho quân và ban thưởng rất hậu cho gia đình 4 người tử trận.

Tại Bình Thuận, Nguyễn Tri Phương mua thêm pháo thuyền, mộ thêm binh lính, chấn chỉnh quân đội để giao chiến với người Pháp một lần nữa.

Lấy xong thành Biên Hòa, thủy sư đô đốc Bonard mang một đội chiến thuyền, định ra đánh Huế. Lúc đi ngang Bà Rịa, nhân thấy Nam quân tụ tập tại đấy, đô

đốc liền khai chiến. Trong lúc đuổi quân ta chạy, đô đốc nhật được ở đồn Bà Rịa một phong thư của Nguyễn Tri Phương gửi cho các quan thủ lĩnh miền Nam nói: ông đang chỉnh đốn đại binh Nam triều ở một hải cảng tỉnh Bình Thuận là Phan Rí.

Sớm biết Nguyễn Tri Phương hành động ở Bình Thuận, đô đốc phái chiến hạm Norzagaray tức tốc chạy ra Phan Rí thám thính. Đi giữa biển, chiến hạm này gặp một đội chiến thuyền độ 25 chiếc của Nguyễn Tri Phương đang vận tải lương thực và súng đạn. Chiến thuyền ta bất ngờ, bị tàu chiến của Pháp bắn chìm cả.

Tiếc thay, trận thủy chiến này đã chấm dứt việc Nguyễn Tri Phương cầm quân ở Nam kỳ chống với người Pháp.

Ngày 5 - 6- 1862, quan Lễ bộ Thượng thư Phan Thanh Giản và quan Binh bộ Thượng thư Lâm Duy Hiệp thay vua Tự Đức ký tại Sài Gòn một hiệp ước với thủy sư phó đô đốc Bonard, đại diện Nã phá luân Hoàng đế đệ tam và đại tá Palanca, đại diện Isabelle II, Nữ vương Tây Ban Nha.

Theo hòa ước ấy, vua Tự Đức phải nhường cho nước Pháp ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn (Poulo Condore). Đạo Thiên Chúa được tự

do truyền giáo, nhưng các giáo sĩ không được phép cưỡng bách dân ta. Người Pháp và người Tây Ban Nha được quyền mở ba hải cảng Đà Nẵng, Ba Lạt và Quảng Yên, và tự do đi lại buôn bán trong nước ta. Nước Nam phải chịu bồi thường quân phí 4 triệu đồng, chia trả trong một thời hạn 10 năm.

Hòa ước năm 1862 ký xong, vua Tự Đức liền triệu Nguyễn Tri Phương từ Bình Thuận hồi kinh.

Nhà vua ân cần bảo ông:

"Trước đây, Trẫm đã có dụ đòi Khanh hai ba lần, nhưng Khanh chỉ muốn về trí sĩ. Bây giờ là buổi quốc gia nhiều việc. Từ triều thần đến lê thứ, ai cũng phải hết lòng giúp nước. Vậy Khanh đừng nên nghĩ đến chuyện ẩn dật nữa. Khanh nên ở triều với Trẫm, phòng khi có việc giúp Trẫm. Hiện nay có loạn ở Bắc hà, cần một viên tướng như Khanh cầm quân, Khanh nghĩ thế nào?"

Nguyễn Tri Phương tâu:

"Hạ thần phận làm tôi, dù vào Nam hay ra Bắc, bao giờ cũng cúi xin vâng mệnh. Nhưng Bắc kỳ, thần chưa ra thân lý lần nào, chưa rõ địa thế. Vậy xin bệ hạ liệu định."

Nhà vua cho phép ông nghỉ một tuần, để xem xét

văn thư cho rõ tình hình xứ Bắc. Nếu cần bàn bạc điều gì thì ông cứ thương nghị với hai quan đại thần là Đoàn Thọ và Trần Tiễn Thành.

Hồi này, thổ phỉ ở Tuyên Quang là Nùng Hùng Khai và giặc Tào là Hoàng Sùng Anh đang vây gáp thành Tuyên Quang. Nhà vua hỏi đình thần nên cử ai ra Bắc cầm quân thì các quan đều đề cử Nguyễn Tri Phương. Ông cố ý khước từ:

"Dùng đại tướng là cốt lựa cho được người giỏi. Số mệnh ba quân quan hệ ở chỗ đó. Đã không lập nên công trạng gì ở Nam kỳ, hạ thần lại không thông hiểu tình thế Bắc kỳ, thì còn giúp ích được việc gì!"

Mặc dầu ông khiêm nhượng từ chối, Trần Tiễn Thành cũng cứ bảo tấu ông trấn nhậm Bắc thành: *"Thế giặc rất mạnh, phi ông không ai dẹp nổi"*. Nhà vua cũng nghĩ trong triều không còn ai đáng lĩnh trọng trách ấy. Vì ông dù có bại trận ở Nam kỳ, nhưng đời làm tướng oanh liệt của ông đã đủ làm cho nhà vua tin cậy.

Nguyễn Tri Phương ra Bắc lần này là lần thứ nhất. Đời làm tướng của ông tuy dài, vì đã trải cầm quân ở Nam kỳ, Cao Miên, Đà Nẵng nhiều lần, nhưng Bắc kỳ đối với ông vẫn là chỗ lạ lẫm, đồng thời cũng là chỗ để ông làm trọn cái nghĩa vụ của kẻ thần tử đã một

lòng hy sinh vì nước.

Bắc kỳ tuy chưa mắc cái nạn ngoại xâm như Lục tỉnh⁽¹⁾, nhưng bọn phiến loạn thừa lúc triều đình lăm việc, liên lạc với giặc Khách, nổi lên như ong. Chúng tàn hại làng mạc của lương dân, đốt phá đồn lũy của quân lính. Nhiều thị trấn quan trọng cũng bị chúng vây đánh mà không kiên nổi gì.

Tháng chạp năm Tự Đức thứ 14 (1861), một bọn giặc bễ nổi lên ở Quảng Yên. Tên đầu đảng (Tạ Văn Phụng) mạo tên là Lê Duy Minh, giòng dõi nhà Lê. Hắn liên kết với dân Mường mà cướp phá mấy tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây, Thái Nguyên, Thanh Hoá, Nghệ An, v.v....

Tháng ba năm Nhâm Tuất (1862), ở Bắc Ninh, một bọn phiến loạn khác nổi lên. Tên đầu đảng là Cai tổng Vàng xưng Nguyên súy, lập tên Uẩn mạo nhận giòng dõi nhà Lê làm vua. Bọn này liên lạc với giặc Phụng ở Quảng Yên thanh thế to lắm. Chúng đánh phủ Lạng Giang, huyện Yên Dũng và vây thành Bắc Ninh.

Các tỉnh thân đất Bắc bấy giờ là Bố chính Hà Nội

(1) Chỉ Nam Kỳ gồm có 6 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên (B.T).

Nguyễn Khắc Thuật, Bố chính Sơn Tây Lê Dụ và phó lãnh binh Hưng Yên Vũ Tảo đem quân ba tỉnh về giải vây cho thành Bắc Ninh. Quân đội Nam triều đánh nhau dư 10 trận mới phá được quân giặc.

Ở phía Đông, tên Phụng vây thành Hải Dương, quan tỉnh dâng sớ về triều. Vua Tự Đức sai quan Thượng thư bộ Hình là Trương Quốc Dụng ra làm Tổng thống Hải An quân vụ và đem quân Kinh và quân Thanh - Nghệ ra tiêu. Đào Trí được sung Tham tán đại thần và Nguyễn Bá Nghi làm Sơn - Hưng - Tuyên Tổng đốc⁽¹⁾ để cùng Trương Quốc Dụng dẹp loạn đất Bắc.

Ngoài ra, Thái Nguyên cũng có loạn; tại Tuyên Quang thì tên Nùng Hùng Khai quấy nhiễu; tỉnh Cao Bằng bị giặc Khách Lý Hợp Thắng vây đánh. Các quan địa phương hết sức bối rối vì không biết xử trí thế nào thì vừa may Nguyễn Tri Phương cùng Phan Đình Tuyển và Tôn Thất Huệ mang quân ra tới nơi. Ông đóng quân ở phía Nam sông Tiêm Đức, dự bị đánh vào sào huyệt của giặc ở núi Chí Linh. Ông truyền cho các tướng sĩ ở Hà Nội, Sơn Tây, sắm sửa chiến thuyền để sẽ dùng cả đường thủy, bộ đánh phá đảng phiến loạn. Ông lại thông tin cho các tỉnh thần Bắc Ninh hay, hễ nghe tiếng

(1) Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang (B.T).

súng thì đồn quân đánh phía sau của giặc.

Công cuộc tổ chức quân đội hoàn thành, Nguyễn Tri Phương sai Hoàng Thành Khả mang quân sang áp đánh luôn 5 đồn của giặc, rồi kéo lên giải vây cho thành Bắc Ninh. Cùng trong năm ấy (1863), Vũ Tảo đánh lấy thành Tuyên Quang và bắt được tên Uẩn, đóng cũi giải về kinh.

Giải cứu Tuyên Quang, Bắc Ninh và dẹp yên giặc Nùng, giặc Khách, Nguyễn Tri Phương sai quân sĩ sửa chữa các đường xá giao thông ở Bắc Kỳ cho tiện việc dụng binh. Tháng tư năm Quý Hợi (1863), ông cùng phó tướng Nguyễn Văn Trọng đem quân đánh bọn phiến loạn ở Thái Nguyên. Đầu đảng là Lê Văn Thanh cũng mạo xưng là giòng dõi nhà Lê. Ông bắt được tên Thanh cùng hai tên thổ phỉ Nguyễn Văn và Lê Nguyên thường quấy nhiễu ở Bắc Ninh. Ông lại phá được sào huyệt của chúng ở núi Mã Hiên thuộc châu Bạch Thông. Nguyễn Tri Phương tiến đến đâu, thắng đến đó. Tờ báo tiếp gửi về kinh, vua Tự Đức cả mừng, và ban thưởng ông rất hậu.

Lúc bấy giờ Trương Quốc Dụng và Đào Trí giải vây cho thành Hải Dương, nhưng thế giặc bẻ ở Hải An (Hải Dương, Quảng Yên) còn mạnh lắm. Tên Phụng chiếm cứ Quảng Yên và nhiều đảo làm sào huyệt, rồi cho binh

thuyền đi cướp phá các nơi. Một bọn cướp Tàu nường nấu ở đảo Hải Nam lại tràn sang quấy nhiễu miền duyên hải của ta. Nguyễn Tri Phương được cải sung chức Tổng thống Hải An quân vụ, Trương Quốc Dụng làm Hiệp thống, đem quân ra đánh mặt ấy.

Cuối năm Tự Đức thứ 16 (1863), quân giặc hợp hơn 500 chiến thuyền ở đảo Cát Bà và núi Đồ Sơn, định đi đường thủy vào đánh phá kinh kỳ, nhưng chẳng may bị bão, thuyền đắm rất nhiều. Quan Đề đốc là Lê Tăng Tiếu và quan Hộ phủ là Bùi Huy Phan hay tin ấy, liền đem quân ra đánh, bị bọn giặc tập hậu, quan quân bỏ chạy. Lê Tăng Tiếu và Bùi Huy Phan phải nhảy xuống sông tự tử.

Đến tháng sáu năm Tự Đức thứ 17 (1864), quan hiệp thống Trương Quốc Dụng, quan tán lý Văn Đức Khuê, quan tán tương Trần Huy Sách và quan chương vệ Hồ Thiệu đánh nhau với giặc ở Quảng Yên, bị giặc giết mất cả. Trận ấy quan quân thua to, quân sĩ thiệt hại rất nhiều. Cũng trong năm ấy, phó đề đốc của Nguyễn Tri Phương là Vũ Tảo bị giặc bắt sống trong một trận đánh ở Nai Lộc, thuộc tỉnh Hải Dương. Ông vì để tướng sĩ thua nhiều trận nói trên nên bị triều đình giáng nhị cấp.

Vua Tự Đức nghĩ Huế là nơi căn bản của triều đình, muốn đem Nguyễn Tri Phương về phòng thủ kinh kỳ và xây dựng pháo đài ở cửa bể Thuận An. Ông dâng sớ về tâu:

"Tháng sáu, tháng bảy năm ngoái, thế giặc đã nguy, tôi tưởng trong vài tháng thì thành công, không ngờ bị bại trận ở đảo Cát Bà. Giặc lại nổi lên hung hăng như trước. Bây giờ xin giao hai tỉnh Hải, An để một mình tôi trừ liệu phương lược thì e không tiện việc. Tôi xin lưu đại quân lại đây vài tháng...."

Đọc sớ xong, nhà vua dụ:

"Khanh là lão thần. Trăm nường cây vào khanh. Khanh không nên dùng dằng ngày tháng làm cho Trăm phải trông đợi. Tinh binh dũng sĩ không nên đóng ở ngoài lâu, khiến cho kinh kỳ bỏ trống, không có ai chống giữ."

Nhưng vì việc đánh dẹp ở Bắc kỳ chưa xong và trong triều không một ai am hiểu tình thế và có thể đảm đương chinh chiến thay cho Nguyễn Tri Phương, vua Tự Đức ép lòng để ông lưu lại đất Bắc.

Năm Tự Đức thứ 18 (1865), các đình thần tâu xin nhà vua thôi cấm thuốc phiện để tăng thuế nhập cảng

và cho phép dân miền thượng du trồng thầu⁽¹⁾ để đem bán sang Tàu. Triều đình muốn nhà vua thi hành khẩn cấp việc này để ngân khố được dồi dào. Vì sau những năm chinh chiến, tài nguyên của Nam triều hao mòn dần dần, nhất là lại còn phải bồi thường quân phí cho người Pháp nữa. Trước khi quyết định một việc to tát như thế, nhà vua cũng không quên hỏi ý kiến Nguyễn Tri Phương. Ông dâng sớ về kinh, bài bác lời đề nghị của đình thần; ông dùng lời lẽ như danh thép, kết án nha phiến là độc dược, càng ngày càng làm giảm nhuệ khí và tinh thần của dân ta. Kết luận, ông yêu cầu vua Tự Đức không nên vì những lễ tiền tài mà dùng thứ thuốc phiện là một đại họa của nước nhà. Nhà vua thuận theo.

Tháng tư năm Ất Sửu (1865) giặc bé đem hơn 300 thuyền từ đảo Cát Bà chia làm ba đạo vào cướp Hải Dương. Nguyễn Tri Phương sai Nguyễn Văn Vi đốc suất một đội quân thủy, đối địch với giặc. Quân ta bắn chìm hơn 20 chiến thuyền, cướp được hơn 60 chiếc và giết hoặc bắt sống được hơn nghìn quân giặc. Thắng trận này, ông tiến đánh dư đảng của chúng trên sông Hà

(1) Cây nha phiến (thuốc phiện) - (B.T)

Lai, Gia Luân, giết được nguy tướng là Oánh; hậu quân đô thống của giặc là Phạm Văn Khương bị ông bắt được, đóng cũi giải về kinh.

Từ đó, quan đề đốc Mai Thiệu, quan tán lý Đặng Trần Chuyên, quan đốc binh Ông Ích Khiêm phá được quân giặc hơn 10 trận. Giặc lui về giữ Hải Ninh.

Tháng bảy năm ấy, Nguyễn Tri Phương sai Đặng Trần Chuyên và Ông Ích Khiêm đem binh ra Quảng Yên ước với quân nhà Thanh ở Khâm Châu để lấy lại thành Hải Ninh. Quân giặc thua to, đem hơn 70 chiến thuyền chạy ra bể. Quan quân đem binh thuyền đuổi theo; tên Phụng, tên Ước chạy vào Quảng Bình, Quảng Trị, còn những đồ đảng, đũa bị bắt, đũa tử trận. Sau tên Phụng và tên Ước cũng bị bắt đem về Huế trị tội.

Giặc Phụng khởi từ cuối năm Tân Dậu (1861), đến cuối năm Ất Sửu (1865) mới dẹp xong, kể vừa đúng bốn năm trời, nhà nước tổn hại rất nhiều. Khi giặc Phụng dẹp gần xong thì mạn Cao Bằng có giặc Khách đánh lấy tỉnh thành. Quan Kinh lược Vũ Trọng Bình, Tuần phủ Phạm Chí Hương đem binh lên Lạng Sơn, rồi chia đi đánh khắp nơi. Từ tháng 9 năm Ất Sửu (1865) đến tháng 3 năm Bính Dần (1866), tướng giặc Trương Cận Bang mới xin về hàng và triều đình thu phục lại được thành Cao Bằng.

Nguyễn Tri Phương dẹp xong giặc bể ở Hải An đem binh đóng ở Thái Nguyên. Năm Tự Đức thứ 1 (1866), đình thần dâng lên nhà vua sổ công trạng tướn sĩ Bắc hà. Vua Tự Đức nghĩ ông khô nhọc lâu năn trách nhiệm nặng nề, dù thua ở Nam, nhưng công to Bắc, thăng Nguyễn Tri Phương lên chức Đại học sĩ.

Cũng trong năm ấy, giặc Tàu là Tô Tứ cầm quâ phiến loạn đánh cướp mạn Quảng Yên. Nguyễn Tri Phương và đề đốc Nguyễn Cửu Lễ trong mấy ngày á vây, đánh đuổi Tô Tứ ra khỏi nước ta.

*

* *

Cái hoạ' loạn ở Bắc kỳ dẹp chưa xong hẳn thì lại c tin quân Pháp và quân Tây Ban Nha kéo đến các cửa b Đà Nẵng, Ba Lạt (Nam Định)⁽¹⁾, Quảng An rất đông. H dựa theo Hòa ước 1862, đòi lập phố xá buôn bán. Cá đại thần xin vua hạ lệnh cho tỉnh thần ở các nơi này xu những dân bán đất cho người ngoại quốc giá phải địn thật cao và quan địa phương phải hết sức ngăn ngừa mọi việc hoạt động của người Pháp và người Tây tron việc buôn bán với dân ta. Dân bán đất cho họ giá cao l

(1) Nay thuộc tỉnh Thái Bình (B.T).

một điều tư lợi, nhưng đối với quan ta, đó cũng là một cách hạn chế việc họ mua đất xây dựng nhà cửa, phố phường.

Được lệnh của triều đình, Nguyễn Tri Phương thân đi trừ liệu việc này. Ông nghĩ Nam kỳ đã mất 3 tỉnh⁽¹⁾, hòa ước đã ký, tình thế nước nhà mỗi lúc mỗi nguy thêm. Cảnh vong quốc đã hiện ra trước mắt, thế mà đình thần không mưu việc lớn, lại chực gây sự với người ngoại quốc bằng những cử chỉ nhỏ nhen, có thể hại đến danh dự nước Việt Nam, hoặc khiến cho họ có dịp bảo ta bội ước mà đem binh xâm chiếm đất đai của ta. Ông liền dâng sớ can vua:

"Từ xưa tới nay, lúc quốc gia đang hưng thịnh cũng không phải không có ngoại hoạ. Trong những giờ nghiêm trọng này, ta cần phải chấn chỉnh quốc thể. Nếu không có quốc thể thì thể đạo và nhân tâm cũng không còn nữa. Triều đình cử động việc gì cũng phải lấy "chữ tín" làm đầu, dân chúng mới thần phục và tín nhiệm. Nếu dạy dân làm một điều gian xảo phi pháp như thế thì về sau dân không tin ta nữa.

"Hạ thân tuy chỉ ngu, nhưng thực tâm không bao

(1) Gia Định, Định Tường, Biên Hòa (B.T).

giờ muốn các quan đại thần có ý muốn bài ngoại lại phải dùng đến những phương kế nhỏ nhen như thế. Công cuộc mở hải cảng Quảng Nam cho người Pháp buôn bán, thiết tưởng nên giao cho tỉnh thần trì liệu. Các quan địa phương ta phải nội giang ngoại hải⁽¹⁾, chỗ nào tàu ngoại quốc đậu được đều về thành bản đô, đợi người Pháp đến, ta sẽ hội đồng với quan họ và tùy theo đó mà chỉ chỗ cho họ lập nghiệp. Thế là không sai với hòa ước, lại không mất quốc thể. Còn đất tư, dù lợi lớn, ta cũng để cho dân sự mua bán riêng với người ngoại quốc.”

“Hạ thân vâng lệnh bình định, đến nay đã 4 năm, tuổi đã già, bị thương, lâu ngày thành bệnh. Thân đã mấy phen tuân thánh dụ, sắp đặt mọi việc đất Bắc, rồi sẽ về kinh. Nhưng vì biên cảnh chưa yên nên thân chẳng nề tuổi già, sức yếu, nay đông, mai bắc, cố đem thân mà đền nợ nước.”

“Nay thế giặc đã hơi yên, thân hiện đang trì tính mọi việc trước khị ban sự. Khi nào làm xong là thân tức tốc hồi kinh để bái mạng và xin về trí sĩ...”

Tờ biểu của Nguyễn Tri Phương gửi về kinh, thật

(1) Trong sông, ngoài biển (B.T).

chẳng khác một quả bom nổ giữa triều đình. Vua Tự Đức lâm triều, cho vời các quan đại thần có chân trong viện Cơ mật đến, phán:

"Nghị định mật sức cho dân bán đất giá cao để thu lợi rõ ràng là không hợp lý, chẳng trách Nguyễn Tri Phương phản đối là phải lắm".

*

* *

Cách ít lâu, ở Huế, Đoàn Trưng và Đoàn Trục nổi loạn. Nhà vua sợ kinh kỳ là nơi căn bản mà không có tướng tài đóng giữ, nên triệu Nguyễn Tri Phương về kinh để lo việc phòng thủ.

Khi ông về đến gần Huế, nhà vua sai quan Thượng thư bộ Công là Nguyễn Văn Phong và Thủy sư Đề đốc Nguyễn Hiến ra đón tận trường đình cửa Tây Bắc.

Lúc vào bệ kiến, Nguyễn Tri Phương được vua Tự Đức cho phép ngồi bên ngự sàng. Nhà vua hỏi thăm sức khỏe của ông và bắt ông kể các việc bình định Bắc kỳ. Nhà vua lại truyền chế y phục ban cho ông và cho ông lĩnh chức Binh bộ Thượng thư kiêm Kinh kỳ Hải phòng sứ, sung Cơ mật viện đại thần.

Làm quan đến tột phẩm, trên được nhà vua yêu

chuông, đuổi được bá quan kính phục, nhưng ông vẫn không sao đuổi được tư tưởng bị quan về thời cục. Ông sớm hiểu cái hoạ ngoại xâm không thể ngừng bước trước hiệp ước năm 1862. Nhìn trong triều thì mọi người vẫn vô tư vô lự, chẳng hiểu chút gì về thời thế cả. Họ là một đám người đang say sưa trong mộng khoa cử văn chương, một đám người tuy bị tiếng súng Tây phương thúc giục mà vẫn chưa tỉnh giấc mơ về dĩ vãng.

Than ôi! Tài nguyên trong nước hao mòn vì những cuộc chinh chiến lâu năm, thế mà vua Tự Đức vẫn lo xây lăng dựng miếu, làm cho dân tình khổ sở. Nguyễn Tri Phương cùng Vũ Trọng Bình, thế chẳng được phải dâng sớ tâu:

"Hoàng thượng xây đắp Thọ lăng" là điều bất đắc dĩ; đã mấy phen cố sắc xuống các quan đồng lý phải chăm nom dân phu làm lụng cho có điều độ. Thế mà quan thống chế Lê Sa và quan biện lý Nguyễn Chất làm đến nỗi quân lính phải oán trách triều đình. Vậy không nên trách Đoàn Trưng và Đoàn Trục hô lên một tiếng mà người theo kể đến hàng nghìn. Bọn Lê Sa vì phạm tội, đã bị cách chức. Nhưng hiện nay trời mưa lụt, xin

(1) Lăng vua Tự Đức được xây dựng ngay khi ông còn sống (B.T).

Hoàng thượng hãy hoãn việc xây đắp Thọ lăng cho dân tình bớt khổ. Các quan đốc sức công việc này, chẳng biết dò xét dân tâm và làm át cả tiếng than vãn của dân chúng muốn tỏ nỗi khổ của mình đến tận Cửu trùng⁽¹⁾, xin giao hết cho đình thần nghị tội.

Chúng tôi tuy ở biên cảnh mới về, nhưng không có công lao gì, cũng xin chịu tội luôn với họ.”

Nhà vua từng biết Nguyễn Tri Phương là một vị trung thần trực tính và rất nóng nảy, nên hể nghĩ đến việc gì ích quốc lợi dân là muốn triều đình thi hành ngay.

Đọc xong tờ biểu của ông, vua Tự Đức lập tức vời ông vào bệ kiến mà phán:

“Các người có tội thì trừng trị đã đành rồi, còn Khanh và Vũ Trọng Bình thì có can dự gì đến việc ấy!”

Đến tháng 10 năm Tự Đức thứ 19 (1866), quân sĩ dẹp giặc Bắc hà đã xong, các tướng tá của Nguyễn Tri Phương dẫn quân khải hoàn về kinh. Nhà vua ngự điện Cần Chánh, cho ông làm lễ phục mạng. Vua Tự Đức tự tay rót rượu ban cho ông và đặt dạ yến ngay tại điện để khao thưởng ông thắng trận.

(1) Chỉ nhà vua (B.T).

Đầu năm sau, tức là năm Tự Đức thứ 20, nhân tiết xuân, nhà vua ngự triều, đem thơ tán xuân tụy tay nhà vua thảo, ban thưởng cho các đại thần. Trước mặt đông đủ bách quan, vua Tự Đức vừa nhìn Nguyễn Tri Phương, vừa nói:

"Lúc này triều đình cần nhiều người biết chính trị. Văn chương là một việc thường."

Nguyễn Tri Phương tâu:

"Tôi thấy người xưa thường nói học chỉ nửa bộ Luận ngữ cũng đủ thành được khai sáng công thân, cứ gì phải một ngày làm một vạn câu thơ mới là tôi lương đống. Đa văn trong lúc này cũng không làm gì được."

Nhà vua cho lời ông nói là đúng.

Hòa ước 1862 dù sao cũng đem lại cho nước Việt Nam vài năm thái bình. Vua Tự Đức định hàn những vết thương miền Nam bằng cách sai một phái bộ ngoại giao sang Pháp bộ kiến Nã Phá Luân đệ tam, xin chuộc ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường. Hai quan đại thần Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ cầm đầu phái bộ⁽¹⁾, được chính phủ Pháp tiếp rước trọng hậu. Nhưng người Pháp chẳng thuận giao ngay cho ta ba tỉnh trên như ta yêu cầu; họ chỉ công nhận nguyên tắc chính đáng cuộc hành động của ta, và hứa hẹn sẽ nhượng bộ cho ít nhiều về đất đai.

Năm sau (1864), Aubaret thay mặt nước Pháp đến Huế để điều đình một hòa ước mới. Theo lời đề nghị thì họ sẽ trả cho ta ba tỉnh miền Tiền giang Nam kỳ, trừ những thị trấn quan hệ như Sài Gòn, Chợ Lớn, Vũng Tàu, Mỹ Tho, Thủ Dầu Một, và mỗi năm ta phải chịu một món tiền quán phí vĩnh viễn từ 2 đến 3 triệu đồng.

(1) Thực ra tham gia phái đoàn còn có người thứ ba là Nguyễn Khắc Đản (B.T).

Triều đình không thể nhận ngay đề nghị này, vì lẽ dễ hiểu là nếu trả số tiền khổng lồ hàng năm ấy, tài nguyên của ta sẽ bị khánh kiệt. Vua Tự Đức truyền lệnh kéo dài cuộc thương thuyết, có ý mong mọi người Pháp bớt số tiền quân phí nhiều chừng nào may chừng ấy. Nhưng bên Pháp, dư luận nổi lên phản kháng việc này. Qua năm 1865, chính phủ Pháp công bố không vì lẽ gì cho ta chuộc ba tỉnh đã mất.

Tháng 10 - 1866, Đô đốc Lagrandière buộc triều đình giao cho nước Pháp ba tỉnh Hậu giang. Ta không ưng thuận.

Đến tháng 6- 1867, Đô đốc được chính phủ sai đem quân chiếm thành Vĩnh Long. Quan Kinh lược Phan Thanh Giản liệu không thể chống cự nổi, truyền lệnh mở cửa thành đầu hàng. Thành mất, Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự tử. Quân ta túng thế, giao luôn hai tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên cho người Pháp.

Thế là bóng cờ tam tài bao trùm khắp cả lục tỉnh Nam kỳ.

Nguyễn Tri Phương hồi này giữ chức Thượng thư bộ Binh. Tuổi đã cao, ông lại thức thâu đêm để xem xét mọi việc trong bộ, nên thần sắc mỗi ngày một kém.

Vua Tự Đức thấy thế, không bằng lòng, dụ:

"Đời xưa đãi các vị đại thần, các bực đế vương không bao giờ giao cho họ những công việc nặng nề quá. Bộ Binh mỗi ngày tiếp các tờ tấu, báo kể đến hàng trăm, thế mà khanh một mình xét đoán tất cả thì sao khỏi hao tổn tâm lực. Từ nay về sau, các quan Tham tri, Thị lang, Tán lý phải thay khanh trông nom việc bộ, cho khanh được thanh nhàn. Chỉ có việc gì trọng yếu lắm mới giao cho khanh duyệt ý."

Năm Tự Đức thứ 21 (1868), giặc Tàu là Ngô Côn làm phản, vây thành Cao Bằng. Việc phòng thủ hai thành ở biên giới là Cao Bằng và Lạng Sơn trở nên một vấn đề quan hệ và khẩn cấp. Nhà vua hỏi ý kiến đình thần thì Nguyễn Tri Phương tâu từ trước đến giờ Cao Bằng và Lạng Sơn vẫn tách riêng ra một cõi. Trong cơn binh lửa, dân gian đã cung cấp nhiều tài lực của họ đã cạn. Vậy nên phải một vị trọng thần ra trấn thủ đất Bắc để gây thanh thế cho triều đình.

Việc này, nhà vua đã nghĩ rồi: Sơn Tây có Nguyễn Bá Nghi, Hà Nội có Đào Trí, Bắc Ninh có Bùi Tuấn. Những người này đều là bực huân thần. Nhưng am hiểu xứ Bắc và đủ sức dẹp yên loạn lạc thì không ai bằng Nguyễn Tri Phương.

Nhà vua phán:

"Khanh tuổi già, lâu nay khó nhọc luôn. Trẫm không muốn phiền đến khanh."

Dù biết Nguyễn Tri Phương thích mạo hiểm và gánh vác công việc nặng nề ở ngoài biên cảnh hơn là ở tại triều mà dọc những công văn của bộ Binh, nhà vua cũng không thuận. Ông phải lưu lại kinh để gìn giữ nơi căn bản của triều đình.

Giặc Tàu Ngô Côn vẫn đánh phá Lạng Sơn, quân Nam triều bị thua nhiều trận, quan tham tán Nguyễn Mai, đề đốc Nguyễn Việt Thành đều tử trận. Thống đốc Phạm Chí Hương bị quân địch bắt. Được những tin dữ dội ở Bắc kỳ báo về, Nguyễn Tri Phương quyết chí xin cử binh ra dẹp giặc; nhà vua cũng vẫn không để ông rời khỏi triều.

Vua Tự Đức thấy công việc bộ Binh rất nhiều mà Nguyễn Tri Phương tuổi già sức yếu, lại thêm mang bệnh vì những vết thương ở trận Chí Hòa, nên đổi ông sang bộ Công.

Nhưng ở quân thú vẫn luôn luôn đưa về những tin quân ta bại trận. Bất đắc dĩ, nhà vua lại phải vời Nguyễn Tri Phương vào hỏi. Ông tâu:

- Vô thần như Đoàn Thọ, Nguyễn Hiền, văn như Vũ Trọng Bình, Nguyễn Hữu Điển, toàn là những người

có tài cả, bây giờ muốn đổi cũng khó kiếm người như thế.

Nhà vua nói:

- Bất đắc dĩ để Đào Trí, Nguyễn Bình đi, khanh nghĩ có được không?

- Đào Trí thương thuyết sự lý thì thông hiểu hơn Nguyễn Hiên, nhưng am hiểu thế trận thì chưa chắc đã hơn được Nguyễn Hiên. Nguyễn Bình tuy siêng năng, nhưng đến lúc làm việc e còn thua Nguyễn Hữu Điển. Thân tuy già yếu, nhưng phận làm tôi, đánh Nam dẹp Bắc, thân không bao giờ tránh những việc khó khăn....

Thấy vua Tự Đức không muốn cho ông rời bỏ kinh đô, Nguyễn Tri Phương phải dâng kế này:

"Các tỉnh Bắc kỳ từ năm ngoái đến nay có việc luôn và quân ta đánh nhau với giặc bị bại nhiều trận. Bây giờ nếu không gắng sức đánh một trận để chúng khiếp sợ, thì bọn này vẫn còn hoành hành, lúc chia lúc hợp. Quân ta tuy được non hai vạn lính, nhưng phải chia đóng nhiều chỗ. Mỗi khi gặp quân giặc, quân ta thua chúng, vì chúng đông hơn ta. Những cuộc bại trận trước đều do sự lỗ lã hoặc vụng tính của ta trong khi cầm quân cả.

"Hiện nay, việc phòng thủ Sơn Tây và Bắc Ninh rất khẩn yếu, xin Thánh thượng truyền cho Vũ Trọng Bình, Đoàn Thọ đem binh chặn quân giặc ở Đại Từ (thuộc tỉnh Thái Nguyên) và truyền cho tỉnh thần Sơn Tây, Tuyên Quang hợp binh đánh trước ở Sơn Dương (Sơn Tây), rồi sau tiến đánh giặc Tàu ở miền thượng du.

"Như thế mới hợp với lễ hoàn cấp, tiến hậu."

Nhà vua sai Vũ Trọng Bình ra làm Hà - Ninh Tổng đốc, kiêm chức Tuyên - Thái - Lạng quân thứ Khám mạng đại thần⁽¹⁾ để hội với quan Đề đốc tỉnh Quảng Tây là Phùng Tử Tài đánh giặc Ngô Côn.

Quần hai nước cùng hợp sức đánh dẹp, đến tháng 5 năm Kỷ Tỵ (1869) mới khôi phục được thành Cao Bằng. Cuối năm Canh Ngọ (1870), Ngô Côn đem quân vây đánh Bắc Ninh, quan tiểu phủ Ông Ích Khiêm bắn chết được Ngô Côn và phá tan quân giặc.

Ngô Côn tuy chết, nhưng còn những đồ đáng là Hoàng Sùng Anh, hiệu Cờ Vàng, Lưu Vĩnh Phúc, hiệu Cờ Đen, Bàn Văn Nhị, Lương Văn Lợi, hiệu Cờ Trắng, vẫn cứ quấy nhiễu ở mạn Thái Nguyên, Tuyên Quang,

(1) Hà Nội và Ninh Bình, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn (B.T).

quan quân chống giữ muôn phần vất vả. Triều đình phái Trung quân Đoàn Thọ ra làm Tổng thống quân vụ ở Bắc kỳ.

Đoàn Thọ vừa lên tới Lạng Sơn, bị bọn giặc khách Tô Tứ nửa đêm nổi lên vây thành, bắn giết đi. Vũ Trọng Bình trốn thoát.

Tin ấy về Huế, vua Tự Đức sai Hoàng Kế Viêm lĩnh chức Lạng - Bình - Ninh - Thái Thống đốc quân vụ đại thân⁽¹⁾, cùng với quan Tán tương Tôn Thất Thuyết đi dẹp giặc đất Bắc.

Tháng tư năm sau (1871), quan Hình bộ Thượng thư Lê Tuấn được cử làm Khâm sai thị sự để cùng với Hoàng Kế Viêm lo việc đánh dẹp.

Cũng trong năm ấy, ở Quảng Yên có tên Hoàng Tế nổi lên, liên kết với bọn Tô Tứ và giặc Tàu Ô ngoài biển, đem binh thuyền đánh phá khắp nơi. Hoàng Kế Viêm giữ vững Sơn Tây, Lê Tuấn và tỉnh thân Hải Dương đại phá giặc Tế. Về sau Hoàng Tế bị bắn chết ở huyện Thanh Lâm.

Trên mạn thượng du thì bọn Cờ Vàng, Cờ Đen vẫn

(1) Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Ninh, Thái Nguyên (B.T).

hoành hành ở Tuyên Quang. Bao nhiêu thuế má ở đây, chúng thu cả. Về sau hai đảng lại thù hằn nhau, đánh giết nhau thật dữ dội. Quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc về hàng với triều đình. Quan ta cho Lưu giữ Lao Cai, để chống với bọn Cờ Vàng đóng ở mạn Hà Giang.

*
* *

Đất Bắc kỳ cứ giặc già mãi, quan quân đánh dẹp luôn mà cũng không yên.

Viện Cơ mật xin nhà vua cho Nguyễn Tri Phương sung chức Bắc kỳ Kinh lược sứ để ông lấy uy phong và khí tiết trấn tĩnh nhân tâm xứ Bắc. Vua Tự Đức không bằng lòng, nói:

"Bất cứ một việc gì cũng nhờ ông cả. Sau này, nếu không có Nguyễn Tri Phương nữa thì sẽ tính sao?"

Tháng 7 năm ấy (Tự Đức thứ 22, dương lịch 1869), nhân ngày thượng thọ (70 tuổi) của ông, vua Tự Đức có ban một bài thơ chúc thọ như sau:

壽經百戰後

Thọ kinh bách chiến hậu,

望重六卿中

Vọng trọng lục khanh trung.

致事休循例

Trí sự hưu tuân lệ.

分優向匪躬

Phân ưu lượng phi cung.

Dịch:

Thọ sau trăm trận đánh,

Danh tốt sáu quan khanh.

Trả việc đừng vin lệ,

Chia lo chẳng vị mình.

Năm Tự Đức thứ 24 (1871), Nguyễn Tri Phương được gia hàm Thái tử Thái bảo. Bảy giờ quan Bình Phú Tổng đốc⁽¹⁾ là Thân Văn Nhiếp bị dân chỉ trích về việc lại nghị. Bộ Lại chấp đơn kiện, đề hơn một tháng mới tâu. Đô sát viện đem việc này ra đàn hặc. Nguyễn Tri Phương hiện làm Thượng thư bộ Lại. Nhà vua ngỡ ông có tư vị, nên cách hàm Thái bảo, giáng ông xuống Hiệp biện đại học sĩ. Rồi nhà vua tuyên dụ:

"Khanh tuổi cao sức yếu, Trăm cũng dư biết rồi, nhưng việc nước long đong như thế này, khanh có yên lòng chăng?"

(1) Bình Định và Phú Yên (B.T).

Lời nói tâm sự của vua Tự Đức khiến cho đêm ấy, ông suốt canh thâu không nhắm mắt. Trong trí ông cứ vờ vấn diễn di diễn lại cái cảnh điêu tàn của nước nhà, chẳng chóng thì chầy sẽ bị sa vào vòng nô lệ.

Tuổi già sức yếu, lại thêm quá nghĩ ngợi, nên đến năm Tự Đức thứ 25 (1872), ông nhuốm bệnh nặng và xin lui về quê quán thuốc thang, tình dưỡng.

Đến khi lành mạnh, vào chầu, Nguyễn Tri Phương được nhà vua an ủi:

"Trong nước có được một vị lão thần như khanh là may lắm. Nhưng việc tám thương, khanh nên giao cho các bộ thân làm thay cho khanh. Khanh nên vì quốc gia mà thận trọng tám thân. Khanh chẳng nên khó nhọc quá sức, gây thêm một mối lo cho xã tắc."

Ba bốn năm liền, xứ Bắc kỳ lâm vào cảnh giặc
giã, binh lực hao mòn, tài nguyên khánh
kiệt, vua Tự Đức ngày đêm lo lắng.

Nhà vua biết phi Nguyễn Tri Phương, không còn ai
bình định nổi Bắc hà. Ông liền được linh chức Bắc kỳ
Khâm mạng Tuyển sát đồng sức đại thần. Nhân việc cử
ông đi, nhà vua hạ dụ:

*"Khanh phải tĩnh trấn một chỗ mà lo việc lớn, chứ
không nên mạo hiểm đem mình hiến cho tên đạn ở chiến
trường. Hiện nay các bậc kỳ cựu trong nước chỉ còn một
mình khanh. Đình thần thường xin cử khanh, nhưng
lòng Trẫm chẳng nỡ. Bây giờ Bắc kỳ bối rối đã lâu,
không có khanh e không dẹp nổi giặc. Trẫm bất đắc dĩ
mới sai khanh đi."*

Nguyễn Tri Phương phụng mệnh lên đường.

Đầu năm Tự Đức thứ 26 (1873), giặc Tàu là bọn
Bạch Quế Hương cướp phá huyện Hàm An, thuộc tỉnh
Tuyên Quang. Dân Thổ ở mạn ngược khiếp sợ, chạy về

tình lý nương trú. Ông liền sai quân mang gạo, thóc cấp phát cho, và truyền quân ta chia đường áp đánh bọn giặc. Quân giặc chống cự không nổi, đành tháo lui.

Quân phiến loạn lại nhóm lên, bố vây đồn Phong Năm (Tuyên Quang). Phó đề đốc Tuần Mậu, vì quân ít, thế cô, nhân ban đêm bỏ thành trốn về xin quân cứu viện. Nguyễn Tri Phương vì việc này can vào tội "thống suất bất nghi", nên bị giáng tam cấp

*
* *

Cách đó hai năm, tức là năm 1871, một thương gia Pháp là Jean Dupuis một mình mạo hiểm ngược sông Nhị hà lên Lao Cai. Dupuis định xem xét tất cả sông ngòi xứ Bắc để tìm một con đường giao thông với tỉnh Vân Nam của Tàu. Công việc này dường như được chính phủ Pháp ở Nam kỳ tán trợ và giúp ngầm. Vì trước kia, pháo thuyền Bourgogne, do thiếu tá Sénez chỉ huy, luôn luôn đi lại miền duyên hải để tìm cách giao thông với nội địa đất Bắc.

Jean Dupuis mộ lính Tàu và hợp bọn đầu trộm đuôi cướp để gây thế lực cho mình. Chỗ họ ở tại Hà Nội, có lính canh phòng cẩn mật, và có vẻ dự bị làm một việc gì rất quan trọng.

Quan ta không có quyền đuổi họ đi, liền tâu về triều xin phản kháng với viên Đô đốc, thống lĩnh xứ Nam kỳ. Nhưng Đô đốc Dupré lại về phe với Dupuis, ông viết thư sang Pháp:

"Xứ Bắc kỳ rất giàu và nối liền với nước Tàu. Đó là nơi để các tỉnh phí nhiều tây nam xứ Trung Hoa tải sản vật sang cho ta. Việc chiếm cứ xứ này là vấn đề sinh tồn cho tương lai cuộc đó hộ của ta ở Viễn Đông".

Việc này kéo dài mãi đến năm 1873.

Thấy Dupuis hành động có hại đến quốc thể Nam triều, quan ta hạ lệnh bắt giam đồ đảng người Nam và người Tàu của Dupuis. Ngày 5 - 5 - 1873, Dupuis đem 150 quân giặc Khách đóng ở một nơi trong thành Hà Nội, rồi dõ 100 dân phu cùng bó thuyền lên bộ. Dupuis bảo sẽ dùng võ lực phá nhà ngục, đánh tháo cho chúng, nếu quan ta không thả bộ hạ của hắn ra. Dupuis lại đòi mua muối và nhất là mua củi, để tẩu của mình dùng, nhưng quan ta không thuận.

Ngày 27 - 5 - 1873, Nguyễn Tri Phương đem quân từ Sơn Tây về giữ thành Hà Nội. Đã nhiều lần Dupuis gửi thư đe dọa ông. Ông đem việc ấy tâu về triều đình. Cuộc xung đột giữa ông và Dupuis bước vào thời kỳ hết sức nghiêm trọng. Vua Tự Đức hạ lệnh cho các tỉnh

thần Bắc hà phải hết lòng phòng bị.

Tàu Pháp vẫn chạy lên miền thượng du, thông đồng với bọn giặc Tàu Hoàng Sùng Anh. Nguyễn Tri Phương truyền lệnh cho các quan địa Phương không được nhãng việc canh phòng. Ông lại sai Trần Nhượng qua Hưng Yên, Nam Định, Hải Dương, đặt quân giữ các nơi hiểm yếu.

Vốn tính tình nóng nảy, Nguyễn Tri Phương không thể nhẫn nhục được trước thái độ khiêu khích của Dupuis: ông truyền quân treo khắp thành Hà Nội tờ hiểu dụ cấm dân ta không được tán trợ hẳn trong công việc kinh địch với Nam triều. Du đang phiến loạn còn sống sót, nhân cơ hội một mặt mang lương thực giúp Dupuis, một mặt giục Dupuis hạ thành Hà Nội. Chúng hứa sẽ hết lòng giúp người Pháp đánh đuổi quan lại do triều đình Huế cử ra cai trị xứ Bắc.

Đô đốc Dupré cực lực bênh vực Dupuis và giúp hẳn một số tiền là 3 vạn quan. Ngày 27-7-1873, Đô đốc đánh điện tín về bộ Hải quân:

"Xứ Bắc kỳ đã mở cửa thông thương nhờ công của Dupuis. Việc này có ảnh hưởng lớn đến thương mại của Anh, Đức, Mỹ. Ta cần phải chiếm xứ này trước, đừng để bọn giặc Tàu hay người Tây phương khác chiếm. Như

thế, ta sẽ đem lại cho nước Pháp một con đường buôn bán độc quyền. Tôi không xin thêm viên binh. Tôi sẽ đem quân lực sẵn có đi đánh. Sự thành công rất chắc chắn."

Cũng trong ngày ấy, Đô đốc gửi về bộ một bức thư bênh vực chính kiến mình:

"Nếu về việc chinh chiến của tôi đang dự định, ngài hay người khác có trách nhiệm vẫn còn hoài nghi lẽ thắng bại, tôi sẽ sẵn lòng gánh hết trách nhiệm, dù sau này tôi bị quả trách, bị gọi về, hay bị cách chức cũng được..."

Đô đốc Dupré truyền đại úy Francis Garnier mang một tiểu đội chiến thuyền ra Bắc hà trước để điều tra vụ Dupuis, sau buộc triều đình Huế mở rộng xứ Bắc kỳ cho người Pháp buôn bán. Ngày 27-9-1873, đại úy rời bến Sài Gòn, và đến ngày 5-11 đóng quân tại Hà Nội. Cách ít ngày sau, 10-11, đại úy gửi thư về Nam kỳ cho đô đốc Dupré:

"Chỉ một cuộc bạo động mới có thể đem lại cho tôi quyền hành và thanh thế. Tôi nhất định hành động. Tôi sẽ đem 180 quân bán bộ hạ thành Hà Nội và bắt Nguyễn Tri Phương giải về Nam, làm tù binh."

Francis Garnier yêu cầu các quan địa phương cho

phép người Pháp được quyền thông thương khắp đất Bắc kỳ. Nguyễn Tri Phương cự tuyệt, vì chưa có lệnh của triều đình.

Cuộc giao thiệp giữa quan Khâm mạng và viên tướng Pháp bước vào thời kỳ khó khăn. Trong bầu không khí nặng nề ấy, ngòi chiến tranh chỉ đợi một tia lửa để nổ bùng.

Ngày 20-11-1873, đúng 6 giờ, đại úy Francis Garnier truyền lệnh hạ thành Hà Nội. Hai pháo thuyền Espingole và Scorpion trên sông Nhị hà, dưới quyền chỉ huy của thủy sư trung úy Bany, nã đại bác cách thành độ 1200 thước. Trung úy Bain dẫn 30 thủy binh tiến đánh cửa Tây Nam, Francis Garnier cầm đầu đội thủy quân lục chiến, nhằm cửa Đông Nam là cửa chính thành Hà Nội mà tiến; phụ sức viên chủ tướng người Pháp, có trung úy Esmez và thiếu úy Trentinian. Viên kỹ sư Bouillet và 10 tên lính thủy, khí giới chỉnh tề, giữ trại và đội chỗ nào quân Pháp nung thế, tức khác đến cứu. Dupuis và toán thủy thủ người Pháp cùng lính mộ Tàu đóng giữ các cửa thành khác. Bọn này không đánh vào thành. Họ có ý chia quân tản mát giữ khắp mọi cửa; làm như thế, Nguyễn Tri Phương không biết được do cửa nào quân Pháp dùng toàn lực hãm thành.

Người Pháp tiến đánh bất ngờ, đại bác của ta trên

thành Hà Nội bắn ra chậm quá, đạn lướt qua đầu quân Pháp và rơi cả xuống mặt đất phía sau. Quân ta, trong lúc hoảng hốt, quăng xuống vô số đá to, đá nhỏ, mà chẳng trúng tên quân Pháp nào.

Một phát đại bác của người Pháp bắn vỡ cửa Đông. Francis Garnier và Trentinian xua quân ào tới, ập vào thành. Đến 7 giờ, cờ tam tài được nêu cao ở vọng lâu trung ương thành Hà Nội.

Trong lúc hỗn chiến, Nguyễn Tri Phương và con là Phò mã Lâm hàng hải giữ cửa Đông Nam là cửa quan yếu, bị tất cả sức tấn công quân địch dồn dập. Phò mã Lâm tử trận, Nguyễn Tri Phương trúng đạn, ngã theo con.

Thành Hà Nội thất thủ.

Nguyễn Tri Phương bị thương nặng ở đùi, được người Pháp cứu chữa và chở ông về an dưỡng ở trú quán của họ.

Các văn thần, võ tướng thành Hà Nội như Bó chánh Đàng, Đế đốc Siêu, Lãnh binh Nghiêm, Phan Đình Bình và hai người con Phan Thanh Giản⁽¹⁾ đều bị người Pháp bắt sống giải xuống tàu Decrès, đem về

(1) Phan Tôn và Phan Liêm (B.T).

giam ở Sài Gòn.

Vốn biết Nguyễn Tri Phương là người cô nhân phẩm khác thường, người Pháp từ xưa đến nay vẫn một lòng kính nể. Họ phải các bác sĩ lấy thuốc bó vết thương của ông, và họ bảo có thể cứu ông khỏi chết. Họ đổ cháo và thang thuốc vào miệng ông để ông mau phục sức.

Nguyễn Tri Phương rất cảm động. Nhưng ông tự liệu là dù có sống cũng không cường nổi cơ trời: nước Việt Nam đang lâm vào cảnh bại vong thì một mình Nguyễn Tri Phương chắc gì thay đổi được thời thế! Ấu là ông lấy cái chết để tạ cùng quốc dân, lấy sự tận trung báo đáp ơn vua, và lấy việc tử tiết đến bồi tình thể nhi, gia tộc.

Nguyễn Tri Phương dứt cả dây băng bó, phun cháo và thuốc ra. Ông nhất quyết nhịn ăn cho đến chết.

Đại úy Francis Garnier cảm phục tư cách oanh liệt của ông, đem thông ngôn đến ngồi cạnh ông và ôn tồn an ủi. Ông thân nhiên, đáp:

"Làm tướng phải chết, và chết ở trận tiền không phải là cái chết nhục nhã."

Từ ngày ông bị người Pháp đem về trú quán cho đến ngày chết là 20-12-1873, suốt trong một tháng trời,

ông tuyệt nhiên chẳng ăn uống chút nào. Đến khi biết mình sắp chết, ông bảo quân hầu đỡ dậy, tắm rửa sạch sẽ và đem áo quần thay cho ông. Rồi thần sắc vẫn không thay đổi, ông nhắm mắt an giấc ngàn thu.

Nguyễn Tri Phương thọ 74 tuổi.

*

* *

Vua Tự Đức nghi Nguyễn Tri Phương toàn gia tử tiết, thương xót vô cùng. Ngài dụ:

"Triều đình đối với các quan tại chức, việc đáng tội thì làm tội, có công thì ban thưởng. Quan cố Khâm mang đại thần là Nguyễn Tri Phương ra trấn Hà thành, vì thành mất đã nhịn ăn mà chết. Về tội, chưa biết nên xử ra sao, Trẫm giao cho đình thần nghị. Nhưng nghĩ Nguyễn Tri Phương trải thờ ba triều, trước sau khí tiết không thay đổi, gian nan khổ sở, mọi người đều biết. Gặp thời đa nạn, Nguyễn Tri Phương bỏ mình, thật là đáng tiếc! Vậy Trẫm truyền cho Hà Nội tỉnh thân phái quân, phu hộ tống quan tài về quê an táng."

Nhà vua lại truyền lấy ở kho ra 3 tấm gấm, 10 tấm lụa, và 1 ngàn quan tiền để thân nhân Nguyễn Tri Phương lo việc tang chế.

Về ca: an thất thủ Hà Nội, đình thần nghị tội "cách phủ phạm hàm, vĩnh tổn trăm hậu", nghĩa là cách hết chức tước, về sau tái phạm sẽ chém đầu. Vua Tự Đức xem án xong, phê:

"Nguyễn Tri Phương là một vị trọng thần, không giữ nổi thành Hà Nội; chiếu theo luật "chủ sự tông vụ", đình thần nghị tội như thế là phải lắm. Nhưng nghĩ Nguyễn Tri Phương nhất sinh trung dưng, Trẫm biết đã lâu. Và lại, họ Nguyễn toàn gia tiết nghĩa, sau trước một lòng, không phải như bọn tham sinh úy tử, cho nên Trẫm khai phục Nguyễn Tri Phương Bình bộ tả Tham tri. Tước Bá của Nguyễn Tri Phương đánh giặc Cao Miên được đặc phong, Trẫm không nỡ đoạt."

Năm Tự Đức thứ 28 (1875), nhà vua cho đem tên Nguyễn Tri Phương vào thờ ở đền Trung Nghĩa.

Em ông là Nguyễn Duy, con ông là Nguyễn Lâm, đều vì nước bỏ mình. Cha con, anh em đều tuân tiết; thế gian xưa nay hiếm có. Bởi vậy, nhà vua lại xuống dụ lập đền Trung Hiếu, thờ trong làng Nguyễn Tri Phương. Hàng năm, nhà vua phái quan số tạt đến tế.

Để tỏ lòng thương mến Nguyễn Tri Phương, vua Tự Đức có tự thảo bài văn tế, lời lẽ rất thống thiết:

忠臣孝子歷代有之

"Trung thân hiếu tử, Lịch đại hữu chi;

一門三節嗚呼幾希

Nhất môn tam tiết, Ô hô kỷ hi!

臣則死忠子則死孝

Thần tặc tử trung, Tử tặc tử hiếu;

在人倫常爲世名教

Tại nhân luân thường, Vi thế danh giáo.

朝廷風世節猶取焉

Triều đình phúng thế, Tiết do thủ yên;

況兼而有大節凜然

Huống kiêm nhi hữu, Đại tiết凛 nhiên!

惟彼阮卿惟邦之傑

Duy bĩ Nguyễn Khanh, Duy bang chi kiệt;

中外歷場耆龐勳烈

Trung ngoại lịch trường, Kỳ bần huân liệt.

既自洋船侵我海濱

Khái tự dương thuyền, Xâm ngã hải tân;

命將出師無踰老臣

Mệnh tướng xuất sư, Vô du lão thần.

爾弟阮維有文有武

Nhĩ đệ Nguyễn Duy, Hữu văn hữu vũ;

暨兄同心參戎幕府

Ky huynh đồng tâm, Tham nhung mạc phủ.

南屯不守爾爲所傷

Nam đồn bất thủ, Nhĩ vì sở thương;

爾爲死之科甲流芳

Nhĩ đê tử chi, Khoa giáp lưu phương.

頃然北顧事機更誤

Khoảnh nhiên bắc cố, Sự cơ cánh ngộ;

賊出不意爾死於虜

Tặc xuất bất ý, Nhĩ tử ư lô.

爾子阮林先爾而亡

Nhĩ tử Nguyễn Lâm, Tiên nhĩ nhi vương;

轟轟烈烈好做一場

Oanh oanh liệt liệt, Hào tố nhất trường!

是兄是弟是父是子

Thị huynh thị đệ, Thị phụ thị tử;

古之卡門殆不過此

Cổ chi Biên môn, Đãi bất quá thử.

嗚呼爲臣能忠於軍

Ô hô! vì thân, Năng trung ư quân;

嗚呼爲子能孝於親

Ô hô! vì tử, Năng hiếu ư thân.

惟忠與孝一門咸萃

Duy trung dữ hiếu, Nhất môn hàm tụy;

間氣所鐘其斯之謂

Nhàn khí sở chung, Kỳ tư chí vị.

爰建專祠以獎勵之

Viên kiến chuyên từ, Di tưởng lệ chí;

歲屆仲春(秋)命官祭之

Tuế giới trọng xuân (thu), Mạnh quan tế chí.

唐隆之鄉其歸其藏

Đường Long chi hương, Kỳ quy kỳ tàng;

萬古英風山高水長

Vạn cổ anh phong, Sơn cao thủy trường."

Dịch:

"Tôi trung con hiếu, xưa nay có rồi;

Một nhà ba tiết, hiếm lắm than ôi!

Tôi chết vì trung, con chết vì hiếu;

Là việc luân thường, làm gương danh giao.

Triều đình phong thế, phải giữ tiết cao;

Hướng gồm dù cả, thật lớn xiết bao!

Duy người, Nguyễn Khanh là người anh kiệt;

Trong ngoài biết danh, nổi tiếng huân liệt.

Tự tấu Tây đến, xâm bờ cõi ta;

Sai tướng đi đánh, ai hơn tướng già.
Em người, Nguyễn Duy, có văn có võ;
Cùng anh một lòng, giúp nơi mạc phủ.
Thanh Nam thất thủ, người đã bị thương
Em người chết trận, để lại tiếng thơm.
Ngành lên phía Bắc, sự cơ chẳng hay;
Giặc đánh bất ý, người chết vì Tây.
Con người, Nguyễn Lâm, đã chết trước người;
Oanh oanh liệt liệt, một nhà giỏi thay!
Anh ấy em ấy, cha ấy con ấy;
Họ Biền khi xưa, nào hơn được vậy.
Than ôi! làm tôi, phải trung với vua;
Than ôi! làm con, phải hiếu với cha.
Tôi trung con hiếu, một nhà gồm hai;
Khi thiêng chung đức, tiếng để lâu dài.
Lập miếu lên thờ, làm cách tưởng lệ;
Vào tiết trọng xuân (hay thu) sai quan đến tế.
Đương Long làng ấy, sẽ giữ tiếng hay;
Anh phong muôn thuở, núi cao sông dài."

Khi cử hành tang lễ Nguyễn Tri Phương, quan lại ở Huế và các tỉnh đều có gửi đôi: trướng và thơ về phụng viếng, trong số đó có bài của Tiên sĩ Nguyễn Văn Lý:

一韓經略尚邊歌

Nhất hân kinh lược thượng biên ca,

甲馬空中可奈何

Giáp mã không trung khả nại hà!

出世勳名垂宇宙

Xuất thế huân danh thùy vũ trụ,

歸天神氣壯山河

Quy thiên thần khí tráng sơn hà

家傳惟有清風在

Gia truyền duy hữu thanh phong tại,

國計寧知白髮皤

Quốc kế ninh tri bạch phát bà.

墜淚悲深橫嶺北

Trụy lệ bi thâm hoành tĩng bắc,

龍編秋珥不停波

Long Biên thu Nhị bất đình ba.

Dịch:

Một phương kinh lược tiếng âu ca,
Giáp mã trên không khó nổi mà!
Lúc sống huân danh trùm vũ trụ,
Thác về thân khí rạng sơn hà.
Nếp nhà vẫn giữ máu thanh đạm,
Lo nước nào hay tóc bạc pha.
Hoành linh trông về đôi lệ nhỏ,
Giòng thu sông Nhị vẫn trôi qua.

Nhưng nếu là để biểu dương cái đại tiết của Nguyễn Tri Phương thì tưởng không còn câu vãn nào đặc sắc hơn đôi câu đối mà hiện giờ chúng ta vẫn còn thấy rõ môn một ở trước một ngôi đền nhỏ lập trên một cái gò con⁽¹⁾, gọi là đền "Trung Liệt", vì bản ý người lập ra là để thờ Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Lâm và Đoàn Thọ. Ngôi đền đó đối diện với chùa Đồng Quang là cái di tích sau cùng của vua Quang Trung:

Thủ thành quách, thủ giang sơn bách
Chiến phong trần dư sách địa;
Vi nhật tinh, vi hà nhạc, thập niên tâm
Sự cộng thanh thiên.

Dịch:

Vãn thành quách, vãn giang sơn, trăm trận xông
pha còn thuộc đất;

Nào nhật tinh, nào hà nhạc, mười năm tâm sự cổ
trời xanh⁽²⁾.

HẾT

(1) Gò Đống Đa ngày nay (B.T).

(2) Tác giả đôi câu đối này là ông Thám hoa Vũ Phạm Hàm.

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Truyện ký

* * * *

PHAN TRẦN CHÚC

Tuyển chọn truyện Lịch sử

Chịu trách nhiệm xuất bản

AN CHƯƠNG

Biên tập

NGUYỄN VĂN TOẠI

NGUYỄN BÍCH NGỌC

Sửa bản in

NGUYỄN BÍCH NGỌC

Bìa và trình bày

NGÔ TRỌNG HIỂN

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, số 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM. ĐT: 8555812. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 889-CXB/284-VHTT và giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 889/CXB của Cục xuất bản ngày 16-8-2000. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2001.

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000016

Tủ sách
LỊCH SỬ và VĂN HÓA Việt Nam

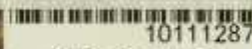
NGUYỄN
TRỊ
PHƯƠNG



Siêu Thị Quảng Ngãi



SỐ QUẢN LÝ: 079E56
SỐ QUẢN LÝ (chính): 00004 22/12/2005 13.500 Đ



10111287

Giá: 13.500đ